

LỜI NÓI ĐẦU

Hiện nay các doanh nghiệp nước ta đang bị cuốn hút mạnh mẽ vào guồng máy đầy biến động của cơ chế thị trường và cố gắng vươn lên chống chọi với sự đào thải của nó. Để đứng vững trong guồng quay của nền kinh tế thị trường đòi hỏi các doanh nghiệp phải có những sách lược kinh doanh và vấn đề hiệu quả kinh doanh là vấn đề sống còn của bất kỳ doanh nghiệp nào. Một câu hỏi được đặt ra cho các nhà quản lý là làm thế nào để sử dụng đồng vốn một cách hợp lý nhất và tạo ra lợi nhuận cao nhất vì sự tồn tại của doanh nghiệp sẽ trở lên mong manh nếu doanh nghiệp không sử dụng hiệu quả đồng vốn của mình. Để trả lời được câu hỏi này, đứng trên giác độ là kế toán trước hết phải tổ chức tốt khâu kế toán vốn bằng tiền vì nếu làm tốt khâu kế toán vốn bằng tiền sẽ giúp cho doanh nghiệp nhìn nhận đúng thực trạng mọi quá trình kinh doanh, cung cấp các thông tin cần thiết một cách kịp thời, chính xác cho bộ máy lãnh đạo của doanh nghiệp để có các biện pháp phù hợp nhằm tiết kiệm tối đa các khoản chi phí và tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán vốn bằng tiền, trong thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng Hải An em đã chọn đề tài “Hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền” nhằm củng cố kiến thức và hy vọng có thể giúp ích cho hoạt động kế toán của Công ty trong thời gian tới.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung bài khóa luận của em gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận chung về công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng Hải An.

Chương 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng Hải An.

Trong thời gian thực hiện khóa luận em đã nhận được sự hướng dẫn nhiệt tình của Cô giáo Lê Thị Nam Phương và các cán bộ trong phòng kế toán của công ty. Vì trình độ còn hạn chế, thời gian có hạn nên bài khóa luận của em chắc chắn sẽ không tránh khỏi những sai sót, em rất mong sự góp ý của các thầy cô giáo và các bạn để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên
Nguyễn Hoàng Anh

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về Vốn bằng tiền trong doanh nghiệp

1.1.1. Khái niệm Vốn bằng tiền

Đối với bất kỳ doanh nghiệp nào dù lớn hay nhỏ khi bước vào hoạt động sản xuất kinh doanh đều nhất thiết cần một lượng vốn nhất định, trên cơ sở tạo lập vốn kinh doanh của doanh nghiệp, dùng nó vào việc mua sắm tài sản cần thiết phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Qua mỗi giai đoạn vận động vốn không ngừng biến đổi cả về hình thái biểu hiện lẫn quy mô.

Quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là quá trình vận động liên tục của vốn kinh doanh theo chu kỳ T-H-T, trong quá trình đó luôn có một bộ phận dừng lại ở trạng thái tiền tệ, bộ phận này gọi là vốn bằng tiền.

Vốn bằng tiền là một bộ phận của vốn sản xuất kinh doanh thuộc tài sản lưu động của doanh nghiệp được hình thành chủ yếu trong quá trình bán hàng và trong các quan hệ thanh toán, tồn tại trực tiếp dưới hình thái tiền tệ bao gồm: tiền mặt (TK111), tiền gửi Ngân hàng (TK112), tiền đang chuyển (TK113).

1.1.2. Đặc điểm Vốn bằng tiền

Trong quá trình sản xuất kinh doanh vốn bằng tiền vừa được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư, hàng hoá sản xuất kinh doanh, vừa là kết quả của việc mua bán hoặc thu hồi các khoản nợ. Chính vì vậy, quy mô vốn bằng tiền là loại vốn đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý hết sức chặt chẽ vì vốn bằng tiền có tính luân chuyển cao nên nó là đối tượng của sự gian lận và ăn cắp. Vì thế trong quá trình hạch toán vốn bằng tiền, các thủ tục nhằm bảo vệ vốn bằng tiền khỏi sự ăn cắp hoặc lạm dụng là rất quan trọng, nó đòi hỏi việc sử dụng vốn bằng tiền cần phải tuân thủ các nguyên tắc chế độ quản lý tiền tệ thống nhất của Nhà nước. Chẳng hạn tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp dùng để chi tiêu hàng ngày không được vượt quá mức tồn quỹ mà doanh nghiệp và

Ngân hàng đã thoả thuận theo hợp đồng thương mại, khi có tiền thu bán hàng phải nộp ngay cho Ngân hàng.

1.1.3. Yêu cầu quản lý Vốn bằng tiền

Vốn bằng tiền là loại tài sản đặc biệt, nó là vật ngang giá chung, do vậy trong quá trình quản lý rất dễ xảy ra tham ô lãng phí. Để quản lý chặt chẽ vốn bằng tiền cần đảm bảo tốt các yêu cầu sau:

- Mọi biến động của vốn bằng tiền phải làm đầy đủ thủ tục và có chứng từ gốc hợp lệ
- Việc sử dụng chi tiêu vốn bằng tiền phải đúng mục đích, đúng chế độ.

1.1.4. Vai trò của kế toán Vốn bằng tiền

Trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, việc quản lý và sử dụng vốn là một khâu quan trọng có tính quyết định tới mức độ tăng trưởng hay suy thoái của doanh nghiệp. Vốn bằng tiền là đối tượng có khả năng phát sinh rủi ro hơn các loại tài sản khác, vì vậy nó cần được quản lý chặt chẽ, thường xuyên kiểm tra kiểm soát các khoản thu chi bằng tiền là rất cần thiết. Trong quản lý người ta sử dụng nhiều công cụ quản lý khác nhau như thống kê, phân tích các hoạt động kinh tế nhưng kế toán luôn được coi là công cụ quản lý kinh tế quan trọng nhất. Với chức năng ghi chép, tính toán, phản ánh giám sát thường xuyên liên tục do sự biến động của vật tư, tiền vốn, bằng các thước đo giá trị và hiện vật, kế toán cung cấp các tài liệu cần thiết về thu chi vốn bằng tiền đáp ứng yêu cầu quản lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các thông tin kinh tế tài chính do kế toán cung cấp giúp cho chủ doanh nghiệp và những người quản lý doanh nghiệp nắm vững tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như việc sử dụng vốn để từ đó thấy được mặt mạnh, mặt yếu để có những quyết định và chỉ đạo sao cho quá trình sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

1.1.5. Nhiệm vụ của kế toán Vốn bằng tiền

Để thực hiện tốt việc quản lý vốn bằng tiền, với vai trò công cụ quản lý kinh tế, kế toán cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh chính xác kịp thời những khoản thu chi và tình hình còn lại của từng loại vốn bằng tiền, kiểm tra và quản lý nghiêm ngặt việc quản lý các loại vốn bằng tiền nhằm đảm bảo an toàn cho tiền tệ, phát hiện và ngăn ngừa các hiện tượng tham ô và lợi dụng tiền mặt trong kinh doanh.

- Giám sát tình hình thực hiện kế toán thu chi các loại vốn bằng tiền, kiểm tra việc chấp hành nghiêm chỉnh chế độ quản lý vốn bằng tiền, đảm bảo chi tiêu tiết kiệm và có hiệu quả cao.

1.1.6. Nguyên tắc kế toán Vốn bằng tiền

Kế toán vốn bằng tiền phải tôn trọng đầy đủ các quy tắc, các chế độ quản lý và lưu thông tiền tệ hiện hành. Cụ thể:

1) Hạch toán vốn bằng tiền phải sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất đó là đồng Việt Nam, trừ trường hợp được phép sử dụng một đơn vị tiền tệ thông dụng.

2) Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt hoặc gửi vào ngân hàng phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch (tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh) để ghi sổ kế toán.

Trường hợp mua ngoại tệ về nhập quỹ tiền mặt, gửi vào Ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng đồng Việt Nam thì được quy đổi ra đồng Việt Nam theo giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên có các TK 1112, TK 1122 được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ sách TK 1112, hoặc TK 1122 theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, thực tế đích danh.

Nhóm tài khoản có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đồng Việt Nam, đồng thời phải hạch toán chi tiết ngoại tệ theo nguyên tệ. Nếu có chênh lệch tỷ giá hối đoái thì tùy theo từng trường hợp cụ thể sẽ được xử lý chênh lệch như sau:

+ Nếu chênh lệch phát sinh trong giai đoạn sản xuất kinh doanh (kể cả doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản) thì số lãi

do tỷ giá được phản ánh vào TK 515- Doanh thu tài chính và lỗ do tỷ giá được phản ánh vào TK 635- Chi phí tài chính.

+ Nếu chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản (là giai đoạn trước hoạt động) thì số chênh lệch được phản ánh vào TK 413- Chênh lệch tỷ giá hối đoái.

+ Số dư cuối kỳ của các tài khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

3) Đối với vàng bạc, kim khí, đá quý phản ánh ở nhóm tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng bạc, kim khí, đá quý.

+ Vàng bạc, kim khí, đá quý phải được theo dõi về số lượng, trọng lượng, quy cách phẩm chất và giá trị của từng thứ, từng loại. Giá trị vàng bạc, kim khí, đá quý nhập vào quỹ được tính theo giá thực tế (giá hoá đơn hoặc giá được thanh toán).

+ Khi tính giá xuất vàng bạc, kim khí, đá quý có thể áp dụng một trong bốn phương pháp tính giá hàng tồn kho:

- Bình quân gia quyền
- Nhập trước xuất trước
- Nhập sau xuất trước
- Thực tế đích danh

Nếu thực hiện đúng các nhiệm vụ và nguyên tắc trên thì hạch toán vốn bằng tiền sẽ giúp cho doanh nghiệp quản lý tốt vốn bằng tiền, chủ động trong việc thực hiện kế hoạch thu chi và sử dụng vốn có hiệu quả cao.

1.2. Kế toán tiền mặt tại quỹ

Mỗi doanh nghiệp đều có một lượng tiền mặt tại quỹ để phục vụ cho nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh. Thông thường tiền giữ tại

doanh nghiệp bao gồm: giấy bạc Ngân hàng Việt Nam, các loại ngoại tệ, ngân phiếu, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý...

Để hạch toán chính xác tiền mặt thì tiền mặt của doanh nghiệp phải được tập trung tại quỹ, mọi nghiệp vụ có liên quan đến thu, chi tiền mặt, quản lý và bảo quản tiền mặt đều do thủ quỹ chịu trách nhiệm thực hiện. Thủ quỹ không được nhờ người khác làm thay. Trong trường hợp cần thiết thì phải làm thủ tục ủy quyền cho người làm thay và phải được sự đồng ý của Giám đốc.

Thủ quỹ phải thường xuyên kiểm tra quỹ đảm bảo tiền mặt tồn quỹ phải phù hợp với số dư trên sổ quỹ. Hàng ngày sau khi thu, chi tiền thủ quỹ phải ghi vào sổ quỹ cuối ngày, phải lập báo cáo quỹ, nộp cho kế toán.

Hàng ngày, sau khi nhận được báo cáo quỹ kèm theo các chứng từ gốc do thủ quỹ gửi đến, kế toán quỹ phải đối chiếu, kiểm tra số liệu đã ghi trên sổ quỹ. Sau khi kiểm tra xong sổ quỹ, kế toán định khoản và ghi vào sổ tổng hợp tài khoản quỹ tiền mặt

1.2.1. Nguyên tắc kế toán tiền mặt

Kế toán tiền mặt cần tuân theo những nguyên tắc sau:

1) Chi phản ánh vào TK 111 “Tiền mặt”, số tiền mặt, ngoại tệ thực tế nhập, xuất quỹ tiền mặt. Đối với khoản tiền thu được chuyển nộp ngay vào Ngân hàng (không qua quỹ tiền mặt của đơn vị) thì không ghi vào bên nợ TK 111 “Tiền mặt” mà ghi vào bên nợ TK 113 “Tiền đang chuyển”.

2) Các khoản tiền mặt do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại doanh nghiệp được quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của đơn vị.

3) Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người cho phép nhập, xuất quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán. Một số trường hợp đặc biệt phải có lệnh nhập, xuất quỹ đính kèm.

4) Kế toán tiền mặt phải có trách nhiệm quản lý và nhập, xuất quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày và liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, nhập, xuất quỹ tiền mặt, ngoại tệ và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.

5) Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý nhập, xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày, thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ

kế toán tiền mặt, nếu có chênh lệch thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

6) Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng đồng Việt Nam thì được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên có các TK 1112, TK 1122 được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán TK 1112 hoặc TK 1122 theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, thực tế đích danh (như một loại hàng hóa đặc biệt).

7) Đối với vàng bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý. Ở các doanh nghiệp có vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ tiền mặt thì việc nhập, xuất được hạch toán như các loại hàng tồn kho, khi sử dụng để thanh toán chi trả được hạch toán như ngoại tệ.

1.2.2. Chứng từ hạch toán tiền mặt

- Phiếu thu (Mã số 01-TT)
- Phiếu chi (Mã số 02-TT)
- Giấy đề nghị tạm ứng (Mã số 03-TT)
- Giấy thanh toán tiền tạm ứng (Mã số 04-TT)
- Giấy đề nghị thanh toán (Mã số 05-TT)
- Biên lai thu tiền (Mã số 06-TT)
- Bảng kê vàng bạc, kim khí, đá quý (Mã số 07-TT)
- Bảng kiểm kê quỹ (dùng cho VNĐ) (Mã số 08a-TT)
- Bảng kiểm kê quỹ (dùng cho ngoại tệ, vàng bạc, kim khí, đá quý) (Mã số 08b-TT).
- Bảng kê chi tiền (Mã số 09-TT)
- Sổ quỹ tiền mặt
- Các sổ kế toán tổng hợp (tuỳ theo hình thức kế toán)

.....

Phiếu thu, phiếu chi được kế toán lập từ 2 đến 3 liên đặt giấy than viết một lần, sau khi ghi đầy đủ các nội dung trên phiếu và ký vào phiếu chuyển cho kế toán

trưởng duyệt (và cả thủ trưởng đơn vị - đối với phiếu chi), sau đó chuyển cho thủ quỹ làm căn cứ nhập xuất quỹ. Thủ quỹ giữ lại một liên để ghi số, một liên giao cho người nộp tiền (hoặc người nhận tiền), một liên lưu tại nơi lập phiếu. Cuối ngày toàn bộ phiếu thu, phiếu chi được thủ quỹ chuyển cho kế toán để ghi sổ kế toán.

1.2.3. Tài khoản sử dụng

Để hạch toán tiền mặt tại quỹ, kế toán sử dụng TK 111 “Tiền mặt. Tài khoản 111 dùng để phản ánh tình hình thu chi tồn quỹ tiền mặt gồm tiền Việt Nam (kể cả ngân phiếu), ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý của doanh nghiệp.

Kết cấu TK 111 như sau:

✎ Bên Nợ :

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ.
- Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.
- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt là ngoại tệ).

✎ Bên Có :

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý xuất quỹ.
- Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý thiếu ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.
- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt là ngoại tệ).

✎ Số dư bên Nợ :

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn tồn ở quỹ tiền mặt.

Tài khoản 111 gồm có 3 tài khoản cấp hai :

- TK 1111 - Tiền Việt Nam: Phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt.
- TK 1112 - Ngoại tệ: Phản ánh tình hình thu, chi, tăng, giảm tỷ giá và tồn quỹ ngoại tệ, quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra đồng Việt Nam.

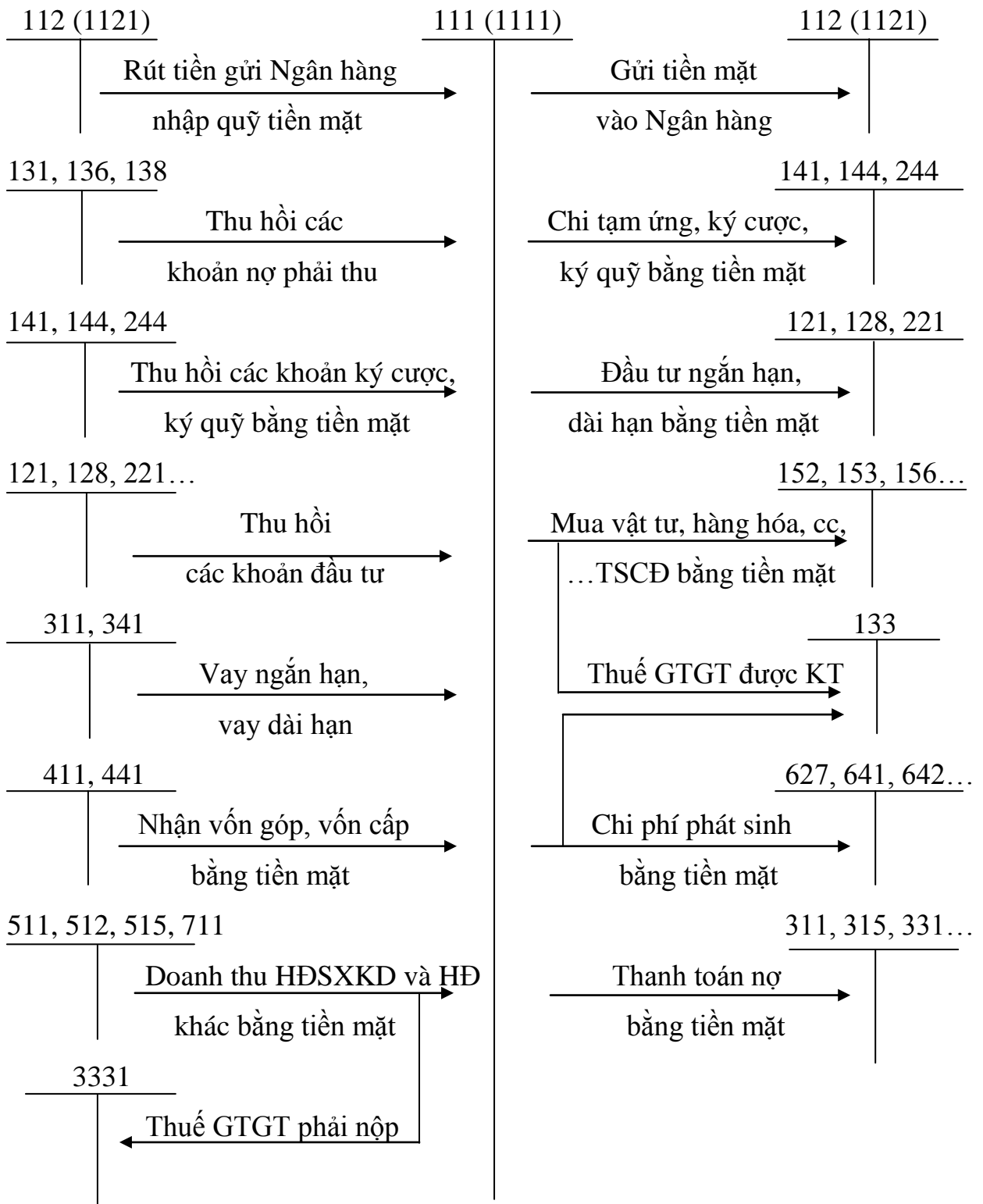
- TK 1113 - Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý: Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập xuất quỹ, tồn quỹ.

1.2.4. Phương pháp hạch toán kế toán một số hoạt động kinh tế chủ yếu

1.2.4.1. Kế toán tiền mặt bằng tiền Việt Nam

Kế toán tiền mặt bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ 1.1 như sau:

Sơ đồ 1.1. Kế toán tiền mặt (VNĐ)



1.2.4.2. Kế toán tiền mặt bằng ngoại tệ.

Đối với ngoại tệ, ngoài việc quy đổi ra đồng Việt Nam, kế toán còn phải theo dõi ngoại tệ trên tài khoản 007 “Ngoại tệ các loại”. Việc quy đổi ra đồng Việt Nam phải tuân thủ các quy định sau:

- Đối với tài khoản thuộc loại chi phí, thu nhập, vật tư, hàng hoá, tài sản cố định... dù doanh nghiệp có hay không sử dụng tỷ giá hạch toán, khi có phát sinh các nghiệp vụ bằng ngoại tệ đều phải luôn luôn ghi sổ bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Các doanh nghiệp có ít nghiệp vụ bằng ngoại tệ thì các tài khoản tiền, các tài khoản phải thu, phải trả được ghi sổ bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Việt Nam công bố tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản chênh lệch tỷ giá (nếu có) của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào tài khoản 413 - Chênh lệch tỷ giá.

- Các doanh nghiệp có nhiều nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ có thể sử dụng tỷ giá hạch toán để ghi sổ các tài khoản tiền, phải thu, phải trả. Số chênh lệch giữa tỷ giá hạch toán và tỷ giá mua của Ngân hàng tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào tài khoản 413.

➤ Kết cấu tài khoản 007 - Ngoại tệ các loại

- ✎ Bên Nợ : Ngoại tệ tăng trong kỳ.
- ✎ Bên Có : Ngoại tệ giảm trong kỳ.
- ✎ Dư Nợ : Ngoại tệ hiện có.

➤ Kết cấu tài khoản 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái

✎ Bên Nợ :

- Chênh lệch tỷ giá giảm của vốn bằng tiền, vật tư, hàng hoá, nợ phải thu có gốc ngoại tệ.

- Chênh lệch tỷ giá tăng của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.

- Xử lý chênh lệch tỷ giá.

✎ Bên Có :

- Chênh lệch tỷ giá tăng của vốn bằng tiền, vật tư, hàng hoá và nợ phải thu có gốc ngoại tệ.
- Chênh lệch tỷ giá giảm của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.
- Xử lý chênh lệch tỷ giá.

Tài khoản này cuối kỳ có thể dư Có hoặc dư Nợ.

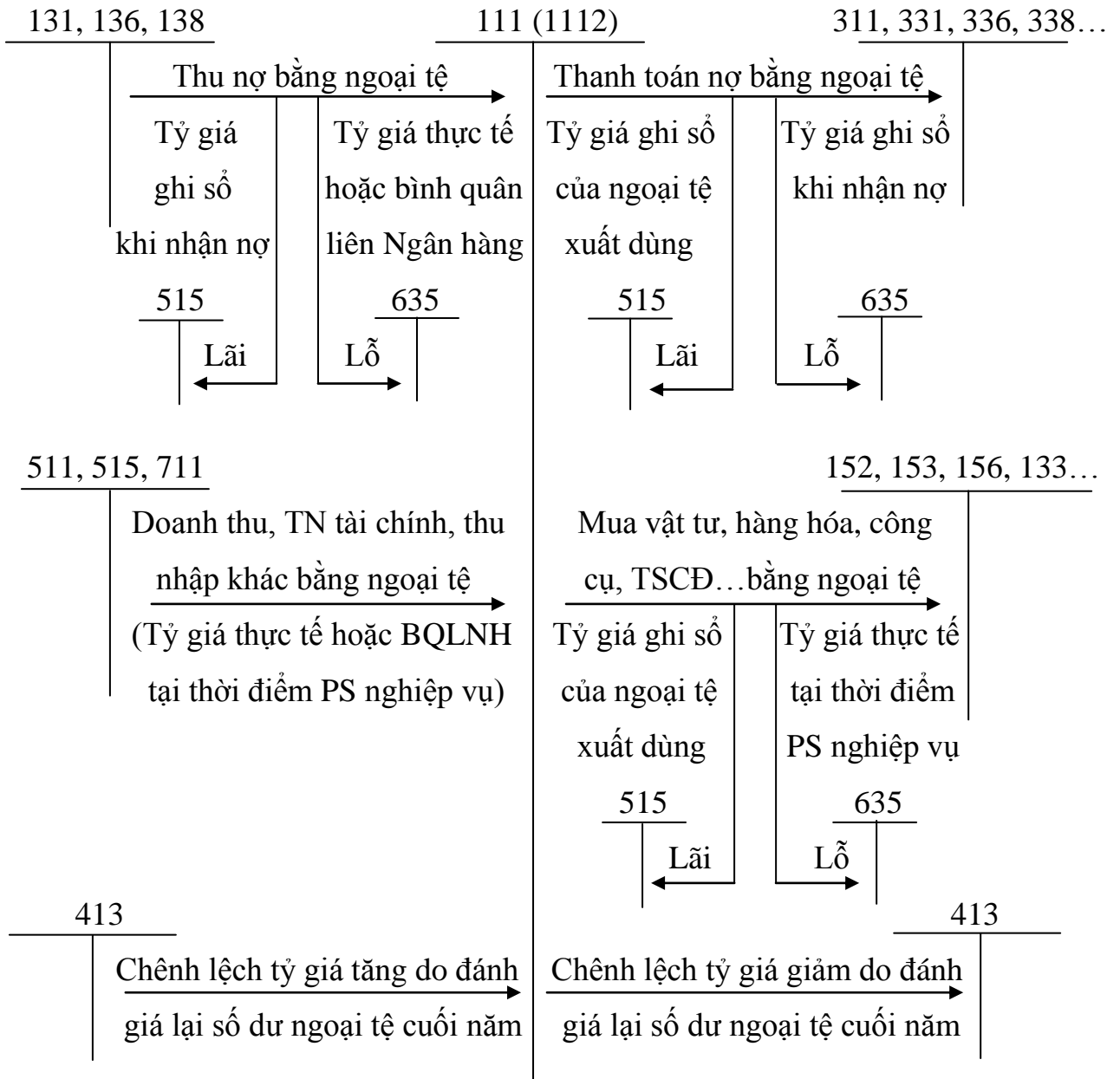
✎ Dư Nợ : Chênh lệch tỷ giá cần phải được xử lý.

✎ Dư Có : Chênh lệch tỷ giá còn lại.

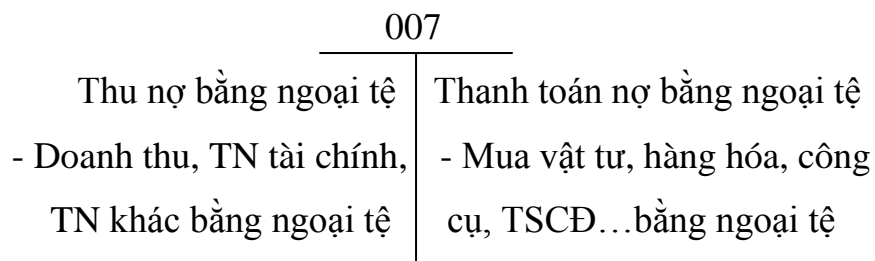
Số chênh lệch tỷ giá trên TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái chỉ được xử lý (ghi tăng hoặc giảm vốn kinh doanh, hạch toán vào lãi hoặc lỗ) khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

☞ Kế toán tiền mặt bằng ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ 1.2 như sau:

Sơ đồ 1.2. Kế toán tiền mặt (Ngoại tệ)



Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn TK 007 - Ngoại tệ các loại.



1.2.4.3. Kế toán tiền mặt là vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.

Khi có nghiệp vụ phát sinh liên quan đến vàng, bạc, kim khí quý, đá quý thì doanh nghiệp phản ánh vào TK 111 (1113). Do vàng, bạc, kim khí quý, đá quý có giá trị cao nên khi mua cần có đầy đủ các thông tin như: ngày mua, mẫu mã, độ tuổi, giá thanh toán...

- Đối với vàng bạc, kim khí, đá quý phản ánh ở tài khoản tiền mặt chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng bạc, kim khí, đá quý.

- Khi phát sinh nghiệp vụ có vàng bạc, kim khí, đá quý nhập quỹ tiền mặt thì ghi sổ theo giá mua thực tế (giá hoá đơn hoặc giá được thanh toán).

- Khi xuất vàng bạc, kim khí, đá quý có thể tính giá bình quân hoặc giá thực tế đích danh. Tuy nhiên do vàng bạc, kim khí, đá quý là loại tài sản có giá trị lớn và mang tính tách biệt nên phương pháp tính giá thực tế đích danh thường được sử dụng.

- Nếu có chênh lệch giữa giá xuất và giá thanh toán tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ thì được phản ánh vào TK 711: Thu nhập khác hoặc TK 811: Chi phí khác.

- Riêng vàng bạc, kim khí, đá quý nhận ký cược, ký quỹ nhập theo giá nào thì khi xuất hoàn trả lại phải theo giá đó và phải đếm số lượng, cân trọng lượng và giám định chất lượng trước khi niêm phong.

- Tài khoản sử dụng: TK 1113- Vàng bạc, kim khí, đá quý

☞ Phương pháp hạch toán vàng bạc, kim khí, đá quý tại quỹ tiền mặt:

(1). Mua vàng bạc, kim khí, đá quý nhập quỹ:

Nợ TK 1113	Giá mua thực tế
Có TK 111, 112:	ghi trên hoá đơn.

(2). Nhận ký cược, ký quỹ bằng vàng bạc, kim khí, đá quý:

Nợ TK 1113: Giá thực tế nhập quỹ

Có TK 338 (3388): Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn

Có TK 344: Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn.

(3). Hoàn lại tiền ký cược, ký quỹ bằng vàng bạc, kim khí, đá quý:

Nợ TK 338 (3388), 344...

Có TK 1113: Giá thực tế lúc nhận ký cược, ký quỹ.

(4). Xuất vàng bạc, kim khí, đá quý đem ký cược, ký quỹ:

Nợ TK 144, 244/ Có TK 1113: Theo giá thực tế xuất.

(5). Khách hàng trả nợ bằng vàng bạc, kim khí, đá quý:

Nợ TK 1113: Giá thực tế khi được thanh toán

Nợ TK 811: Chênh lệch khi giá thanh toán < giá lúc ghi nhận nợ

Có TK 131: Giá thực tế lúc ghi nhận nợ phải thu

Có TK 711: Chênh lệch khi giá thanh toán > giá lúc ghi nhận nợ

(6). Xuất vàng bạc, kim khí, đá quý để thanh toán nợ:

Nợ TK 331: Theo giá lúc ghi nhận nợ phải trả

Nợ TK 811: Chênh lệch khi giá thanh toán < giá lúc ghi nhận nợ

Có TK 1113: Theo giá thực tế xuất

Có TK 711: Chênh lệch khi giá thanh toán > giá lúc ghi nhận nợ.

1.3. Kế toán tiền gửi Ngân hàng

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, các khoản thanh toán giữa doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức kinh tế khác được thực hiện chủ yếu qua Ngân hàng, đảm bảo cho việc thanh toán vừa an toàn, vừa thuận tiện, vừa chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật thanh toán.

Theo chế độ quản lý tiền mặt và chế độ thanh toán không dùng tiền mặt, toàn bộ số tiền của doanh nghiệp trừ số được giữ tại quỹ tiền mặt (theo thoả thuận của doanh nghiệp với Ngân hàng) đều phải gửi vào tài khoản tại Ngân hàng. Các khoản tiền của doanh nghiệp tại Ngân hàng bao gồm: tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, trên các tài khoản tiền gửi chính, tiền gửi chuyên dùng cho các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt như séc bảo chi, séc định mức, séc chuyên tiền, thư tín dụng. Để chấp hành tốt kỷ luật thanh toán đòi hỏi doanh nghiệp phải theo dõi chặt chẽ tình hình biến động và số dư của từng loại tiền gửi.

1.3.1. Nguyên tắc kế toán tiền gửi Ngân hàng

Kế toán tiền gửi Ngân hàng cần tuân theo những nguyên tắc sau:

1) Khi phát hành các chứng từ tài khoản tài khoản Ngân hàng, các doanh nghiệp chỉ được phép phát hành trong phạm vi số dư tiền gửi của mình. Nếu phát hành quá số dư là doanh nghiệp vi phạm kỷ luật thanh toán và phải chịu phạt theo chế độ quy định. Chính vì vậy, kế toán trưởng phải thường xuyên phản ánh được số dư tài khoản phát hành các chứng từ thanh toán.

2) Khi nhận được chứng từ của Ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của đơn vị, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của Ngân hàng thì đơn vị phải thông báo cho Ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời. Cuối tháng, chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu của Ngân hàng trên giấy báo Nợ, báo Có hoặc bản sao kê. Số chênh lệch (nếu có) ghi vào bên Nợ TK 138 - Phải thu khác (1388) (nếu số liệu của kế toán lớn hơn số liệu của Ngân hàng) hoặc được ghi vào bên Có TK 338 - Phải trả, phải nộp khác (3388) (nếu số liệu của kế toán nhỏ hơn số liệu của Ngân hàng). Sang tháng sau, tiếp tục kiểm tra, đối chiếu, xác định nguyên nhân để điều chỉnh số liệu ghi sổ.

3) Tại những đơn vị có những tổ chức, bộ phận phụ thuộc, có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi, mở tài khoản thanh toán phù hợp để thuận tiện cho công tác giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết theo từng loại tiền gửi (tiền Việt Nam đồng, ngoại tệ các loại).

4) Phải tổ chức hạch toán chi tiết theo từng tài khoản ở ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

5) Trường hợp gửi tiền vào ngân hàng bằng ngoại tệ thì phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc giao dịch bình quân trên thị trường tiền tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh. Trường hợp mua ngoại tệ gửi vào Ngân hàng được phản ánh theo tỷ giá mua thực tế phải trả.

Trường hợp rút tiền gửi từ Ngân hàng bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá đang phản ánh trên sổ kế toán TK 1122 theo một trong các

phương pháp: bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, thực tế đích danh.

6) Trong giai đoạn sản xuất kinh doanh (kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi ngoại tệ nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch này được hạch toán vào bên có TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính” (lãi tỷ giá) hoặc vào bên nợ TK 635 “Chi phí tài chính” (lỗ tỷ giá).

7) Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch tỷ giá liên quan đến tiền gửi ngoại tệ này được hạch toán vào TK 413 “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”

1.3.2. Chứng từ hạch toán tiền gửi Ngân hàng

- Giấy báo nợ, giấy báo có của Ngân hàng.
- Bản sao kê của Ngân hàng (kèm theo các chứng từ gốc có liên quan như: séc chuyển khoản, uỷ nhiệm chi, uỷ nhiệm thu...)

Kế toán chịu trách nhiệm mở sổ chi tiết để theo dõi từng loại tiền gửi: Việt Nam đồng, ngoại tệ hay vàng, bạc, kim khí quý, đá quý và chi tiết theo từng Ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra đối chiếu.

1.3.3. Tài khoản sử dụng

Để phản ánh tình hình biến động về tiền gửi kế toán sử dụng TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng. Tài khoản 112 dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động các khoản tiền gửi của doanh nghiệp tại các Ngân hàng và các công ty tài chính.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 112:

☞ Bên Nợ:

- Các khoản tiền gửi ở Ngân hàng và các tổ chức tài chính tăng trong kỳ
- Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ tăng (đối với tiền gửi ngoại tệ).

☞ Bên Có:

- Các khoản tiền gửi ở Ngân hàng và các tổ chức tài chính giảm trong kỳ
- Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ giảm (đối với tiền gửi ngoại tệ).

✎ Số dư bên Nợ:

- Các khoản tiền gửi ở Ngân hàng và các tổ chức tài chính hiện còn cuối kỳ

Tài khoản 112 - Tiền gửi ngân hàng, có 3 tài khoản cấp hai:

- TK 1121 - Tiền Việt Nam

- TK 1122 - Ngoại tệ

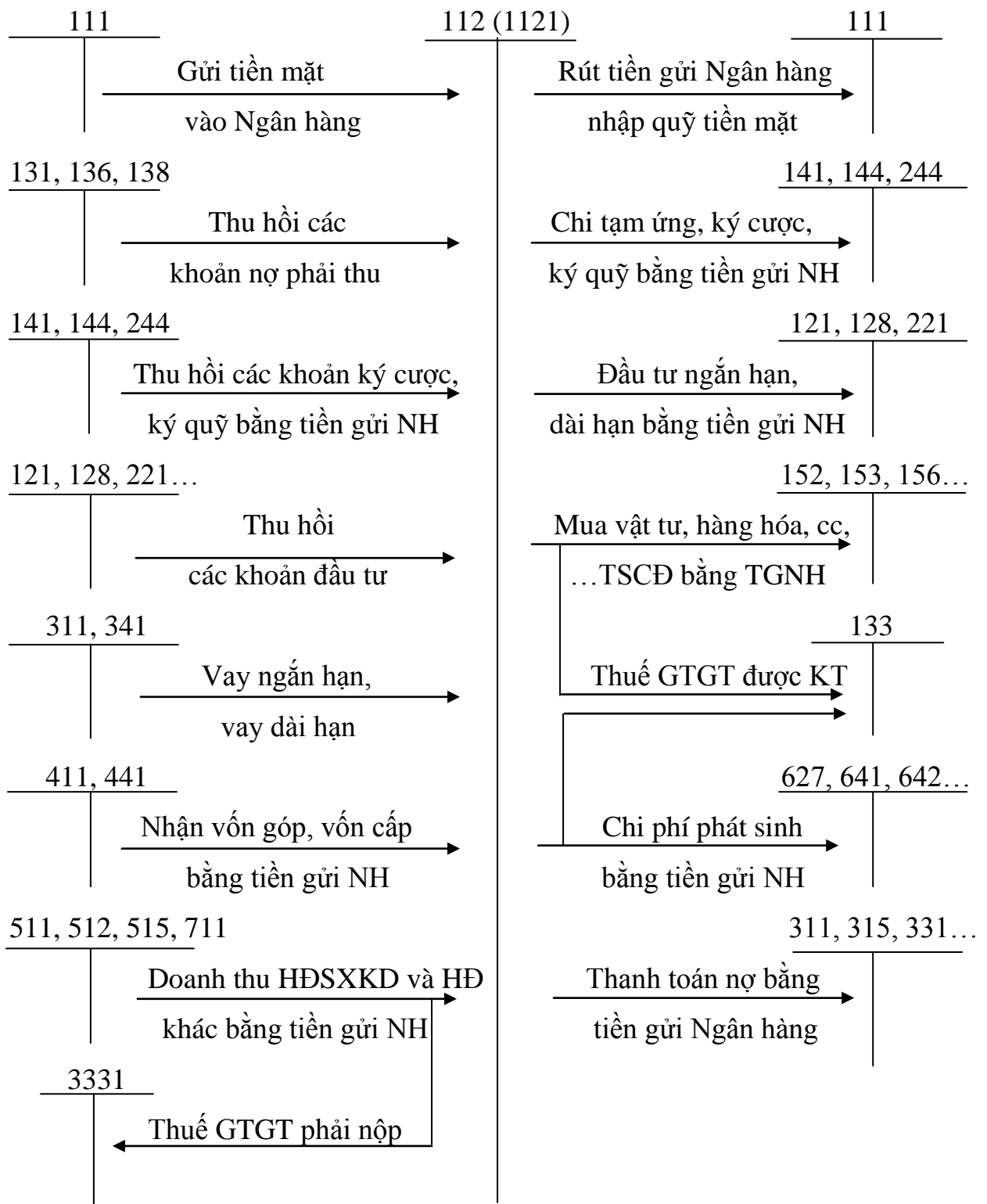
- TK 1123 - Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý

1.3.4. Phương pháp hạch toán kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu.

1.3.4.1. Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng tiền Việt Nam

Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ 1.3 như sau:

Sơ đồ 1.3. Kế toán tiền gửi Ngân hàng (VNĐ)

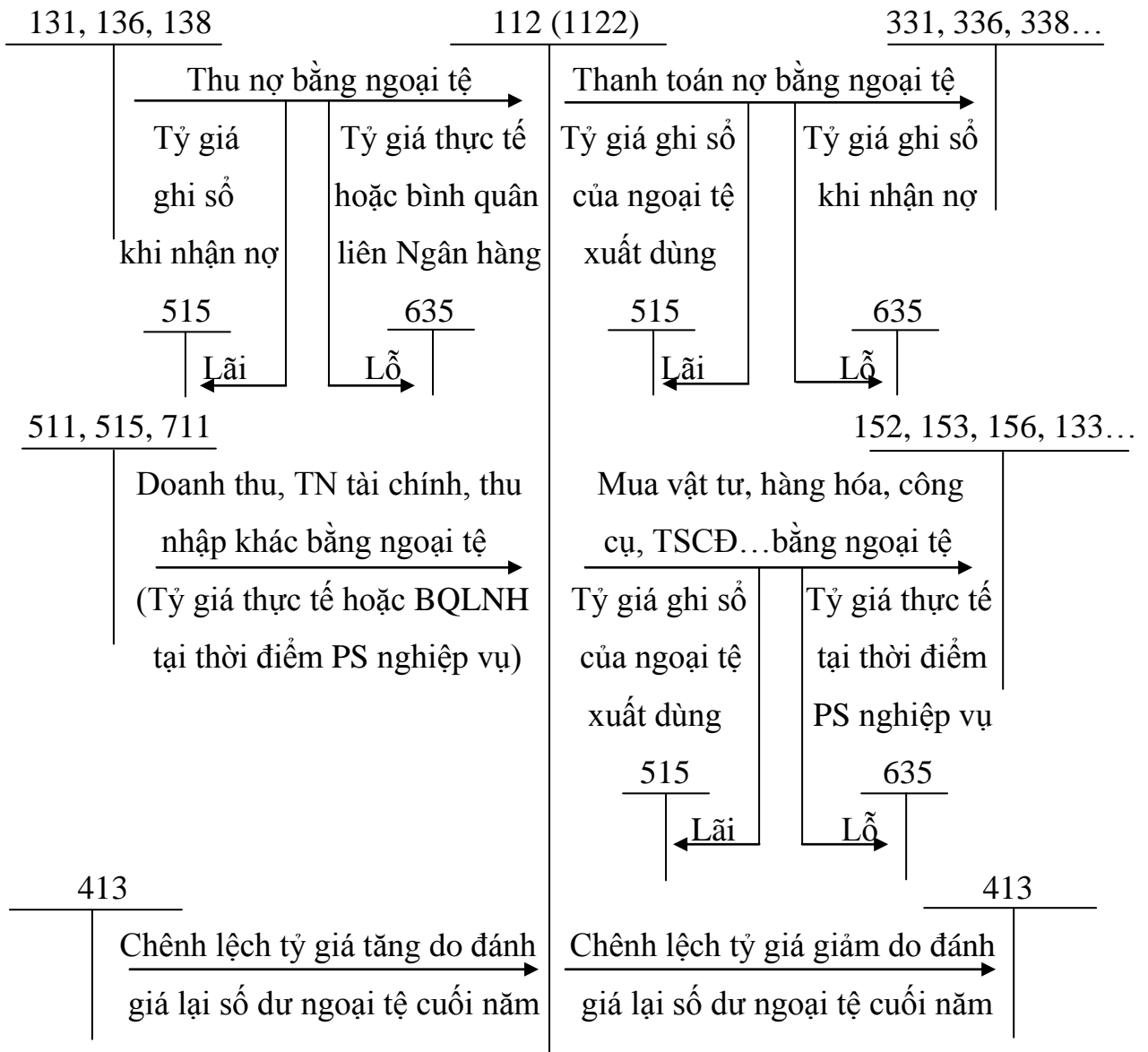


1.3.4.2. Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng ngoại tệ.

Kế toán thực hiện tương tự phần kế toán tiền mặt bằng ngoại tệ.

☞ Kế toán tiền gửi Ngân hàng là ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ 1.4 như sau:

Sơ đồ 1.4. Kế toán tiền gửi Ngân hàng (Ngoại tệ)



Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn TK 007 - Ngoại tệ các loại.

007

<p style="text-align: center;">Thu nợ bằng ngoại tệ</p> <p style="text-align: center;">- Doanh thu, TN tài chính, TN khác bằng ngoại tệ</p>	<p style="text-align: center;">Thanh toán nợ bằng ngoại tệ</p> <p style="text-align: center;">- Mua vật tư, hàng hóa, công cụ, TSCĐ... bằng ngoại tệ</p>
---	--

1.4. Kế toán tiền đang chuyển

1.4.1. Nguyên tắc kế toán tiền đang chuyển

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào Ngân hàng, kho bạc Nhà nước hoặc đã gửi vào bưu điện để chuyển cho Ngân hàng hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại Ngân hàng hối đoái ở thời điểm cuối năm tài chính theo tỷ lệ trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo nợ hay bản sao kê của Ngân hàng. Tiền đang chuyển gồm tiền Ngân hàng Việt Nam và ngoại tệ các loại phát sinh trong các trường hợp:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng cho Ngân hàng.
- Chuyển tiền qua bưu điện để trả cho đơn vị khác.
- Thu tiền bán hàng nộp thuế vào kho bạc.

1.4.2. Chứng từ hạch toán tiền đang chuyển.

- Giấy báo nhận tiền của đơn vị tiền đang chuyển, phiếu chi, giấy nộp tiền, phiếu chuyển tiền qua bưu điện, giấy báo Có, bản sao kê Ngân hàng.

1.4.3. Tài khoản sử dụng

Kế toán tiền đang chuyển sử dụng TK 113 “Tiền đang chuyển”. Tài khoản 113 dùng để phản ánh tình hình và sự biến động tiền đang chuyển của doanh nghiệp. Nội dung ghi chép của TK 113 như sau:

☞ Bên Nợ:

- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, séc đã nộp vào ngân hàng hoặc đã chuyển bưu điện để chuyển vào ngân hàng.
- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

☞ Bên Có:

- Số kết chuyển vào TK 112- tiền gửi hoặc các tài khoản có liên quan
- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

☞ Số dư bên Nợ: Các khoản tiền còn đang chuyển đến cuối kỳ.

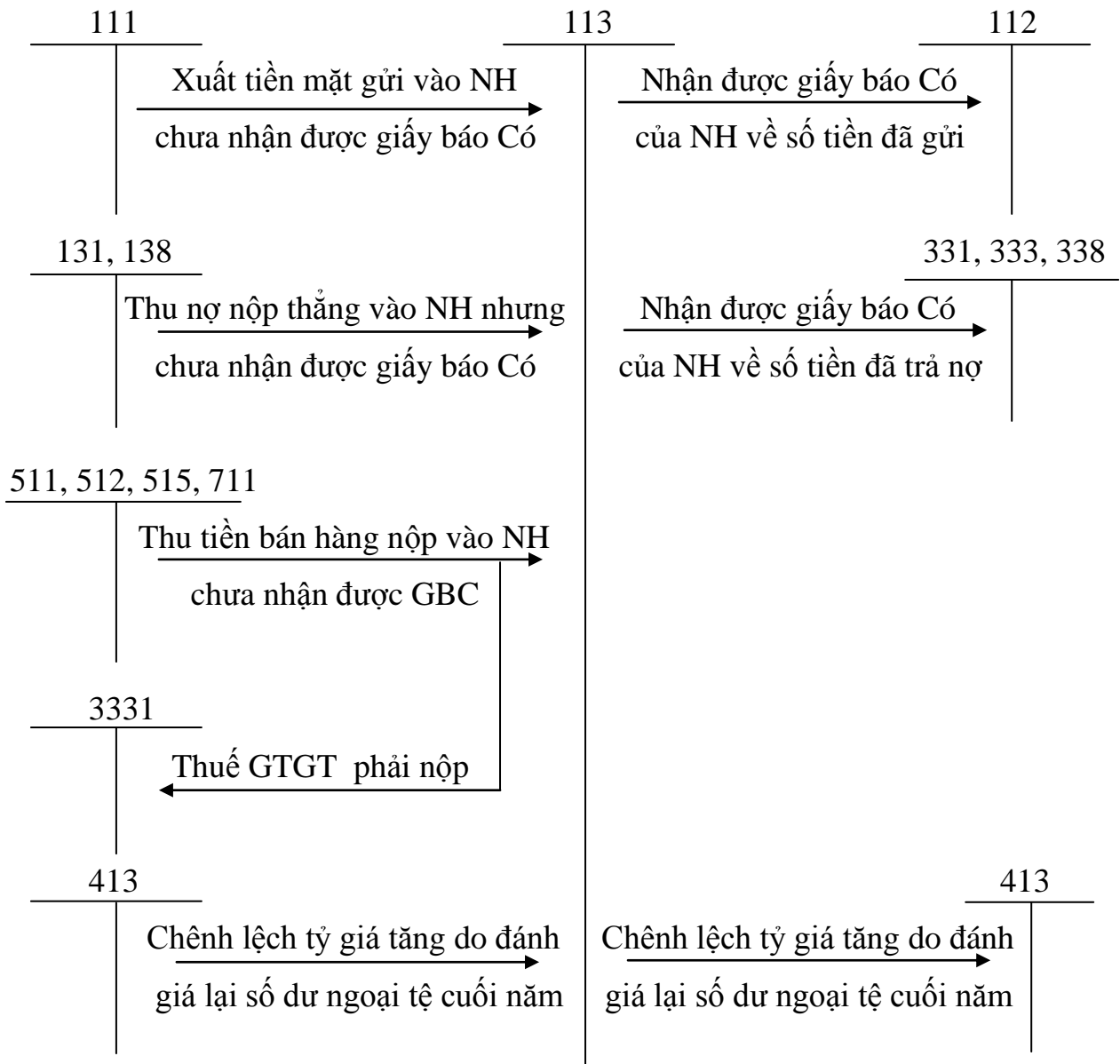
TK 113 được chi tiết thành 2 tài khoản cấp hai:

- TK 1131: Tiền Việt Nam.
- TK 1132: Ngoại tệ.

1.4.4. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu.

Kế toán tiền đang chuyển được thể hiện qua sơ đồ 1.5 như sau:

Sơ đồ 1.5. Kế toán tiền đang chuyển



1.5. Các hình thức ghi sổ kế toán Vốn bằng tiền.

Hình thức ghi sổ kế toán trong doanh nghiệp bao gồm: Số lượng các mẫu sổ, kết cấu từng loại sổ, trình tự và phương pháp ghi chép từng loại sổ, mối quan hệ giữa các loại sổ kế toán với nhau và giữa sổ kế toán và báo cáo kế toán.

Việc lựa chọn nội dung và hình thức ghi sổ kế toán cho phù hợp với doanh nghiệp phụ thuộc vào một số điều kiện sau:

- Đặc điểm của từng loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tính chất phức tạp của hoạt động tài chính, quy mô doanh nghiệp lớn hay nhỏ, khối lượng nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhiều hay ít.
- Yêu cầu của công tác quản lý, trình độ của cán bộ quản lý.
- Trình độ nghiệp vụ và năng lực công tác của nhân viên kế toán.
- Điều kiện và phương tiện vật chất phục vụ cho công tác kế toán.

Hiện nay, theo chế độ quy định có 5 hình thức ghi sổ kế toán sau: Nhật ký chung, nhật ký - sổ cái, nhật ký chứng từ, chứng từ ghi sổ và kế toán máy.

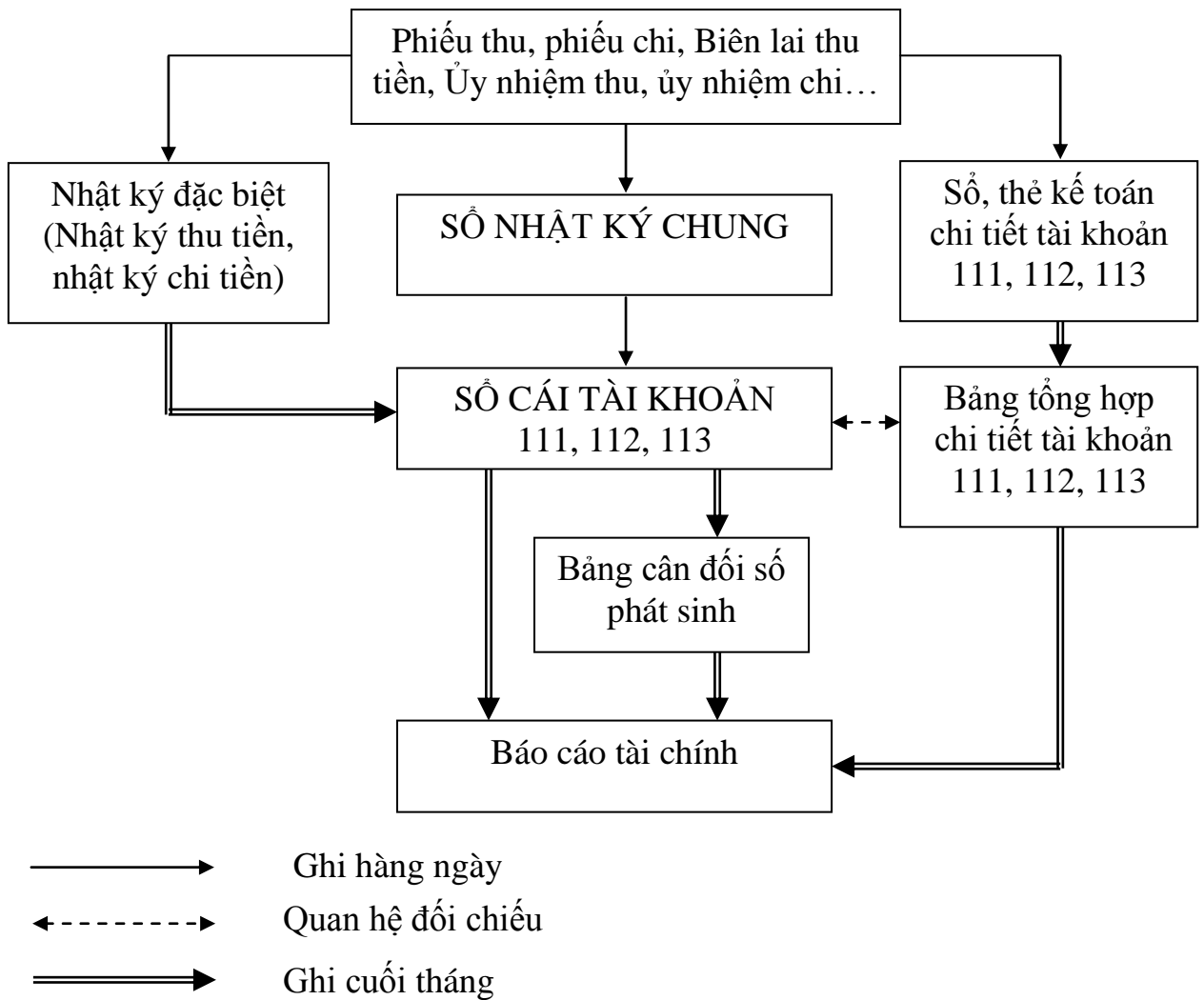
1.5.1. Hình thức Nhật ký chung

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ dùng làm căn cứ ghi sổ: phiếu thu, phiếu chi, uỷ nhiệm thu, uỷ nhiệm chi..., trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để vào Sổ Cái TK 111, 112, 113 phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ kế toán chi tiết liên quan

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái TK 111, 112, 113, lập Bảng cân đối phát sinh.
- Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ Cái TK 111, 112, 113 và Bảng Tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải ghi vào nhật ký mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Sơ đồ 1.6. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



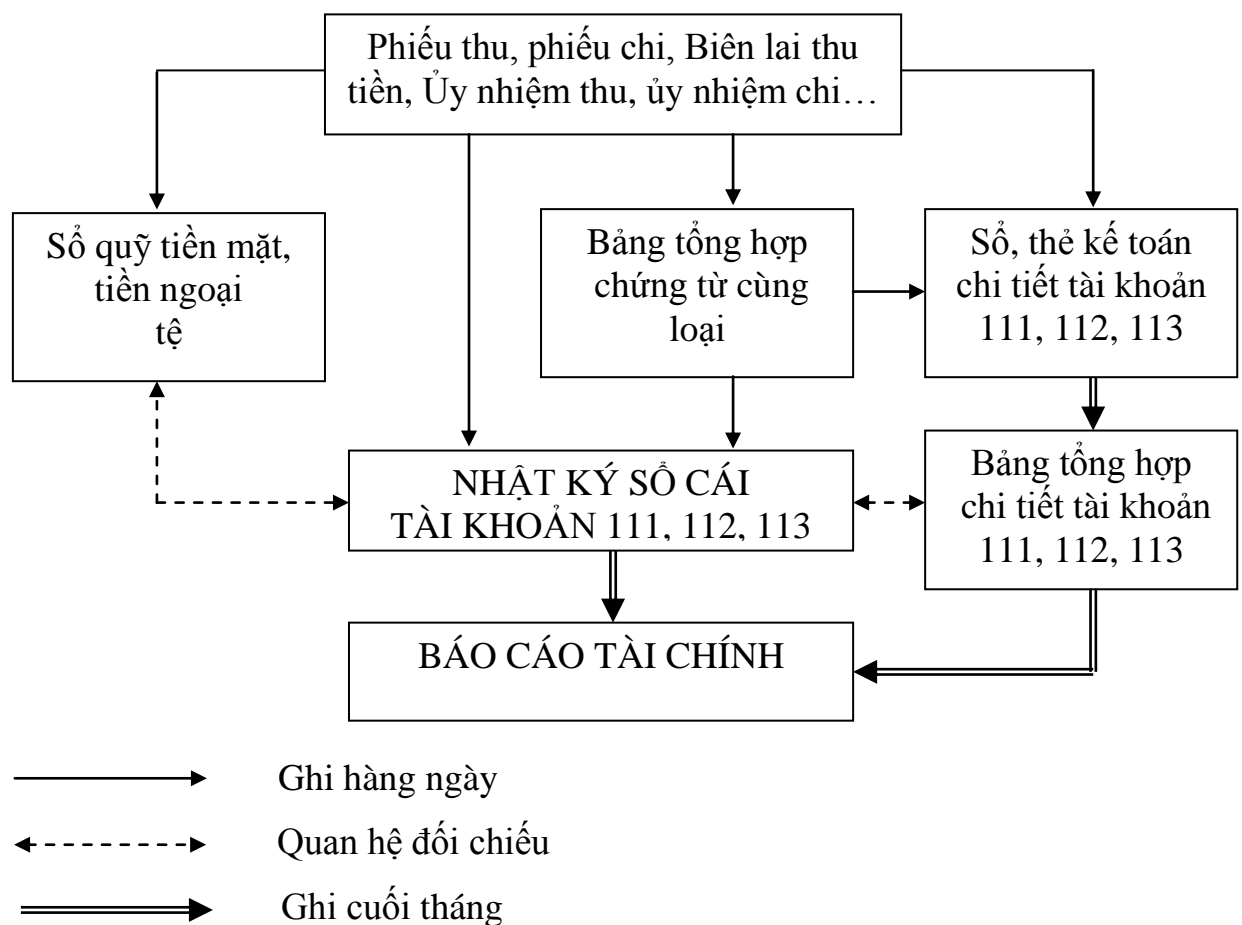
1.5.2. Hình thức Nhật ký - sổ cái

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc: phiếu thu, phiếu chi, uỷ nhiệm thu, uỷ nhiệm chi... hoặc Bảng tổng hợp chứng từ gốc: bảng kê thu, chi tiền, kế toán ghi vào Nhật ký sổ cái, sau đó vào sổ, thẻ kế toán chi tiết.

- Cuối tháng, phải khoá sổ và tiến hành đối chiếu khớp đúng số liệu giữa Nhật ký- Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết).

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký - sổ cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Nhật ký - sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Sơ đồ 1.7. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký - sổ cái



1.5.3. Hình thức Chứng từ ghi sổ

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc như phiếu thu, phiếu chi, uỷ nhiệm thu, uỷ nhiệm chi... hoặc bảng kê thu chi tiền kế toán lập chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó dùng để ghi sổ cái tài khoản 111, 112, 113. Các chứng từ gốc sau khi làm căn cứ lập chứng từ ghi sổ được dùng để vào sổ, thẻ kế toán chi tiết.

- Cuối tháng phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong tháng trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, tính ra tổng số phát sinh Nợ, tổng số phát sinh Có và số dư của TK 111, 112, 113 trên sổ cái. Căn cứ vào sổ cái lập bảng Cân đối số phát sinh.

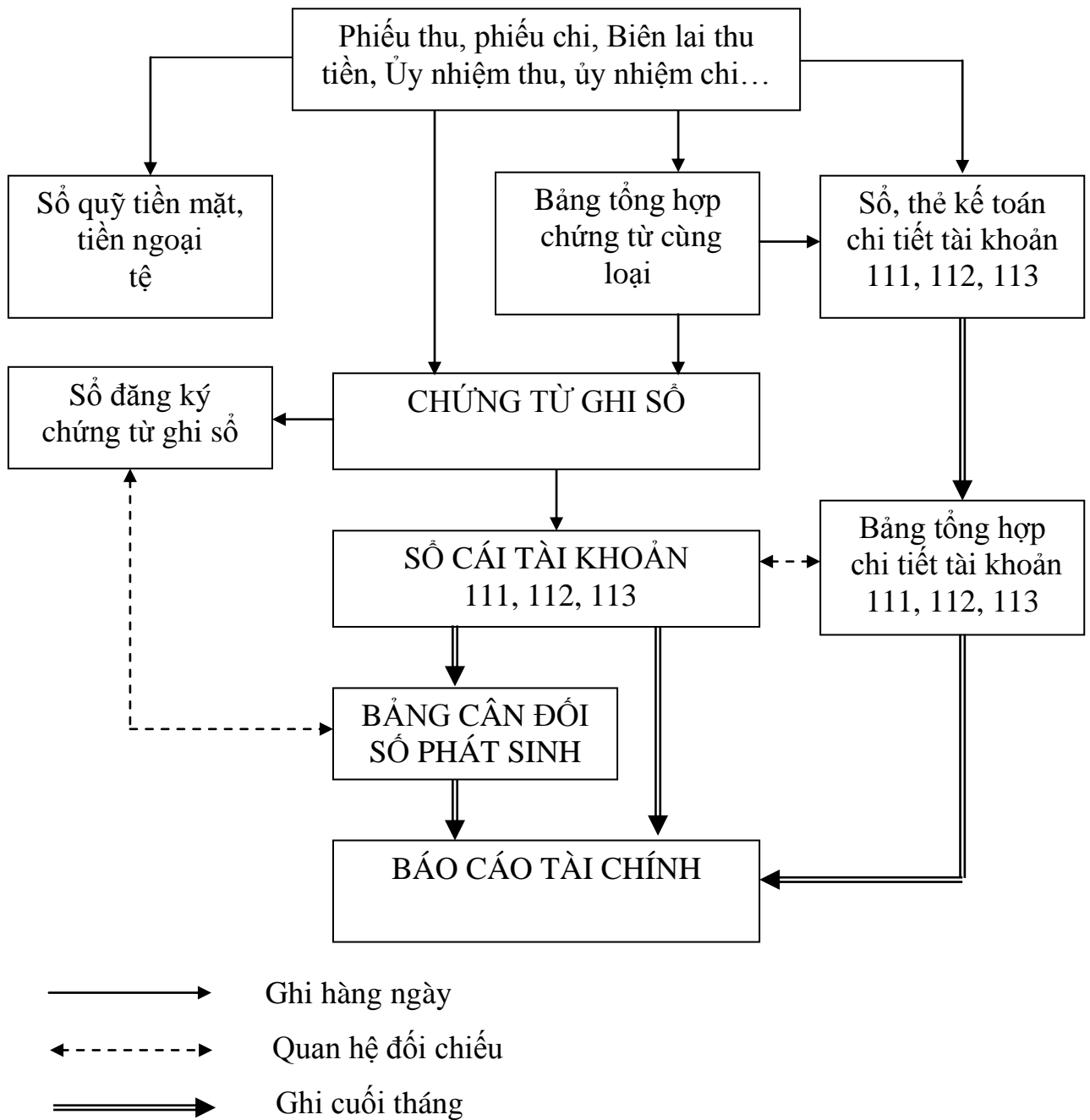
- Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Đặc trưng cơ bản của hình thức Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là Chứng từ ghi sổ. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái
- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Sơ đồ 1.8. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ



1.5.4. Hình thức Nhật ký chứng từ

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc: phiếu thu, phiếu chi, uỷ nhiệm thu, uỷ nhiệm chi... đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký chứng từ hoặc Bảng kê, sổ chi tiết có liên quan.

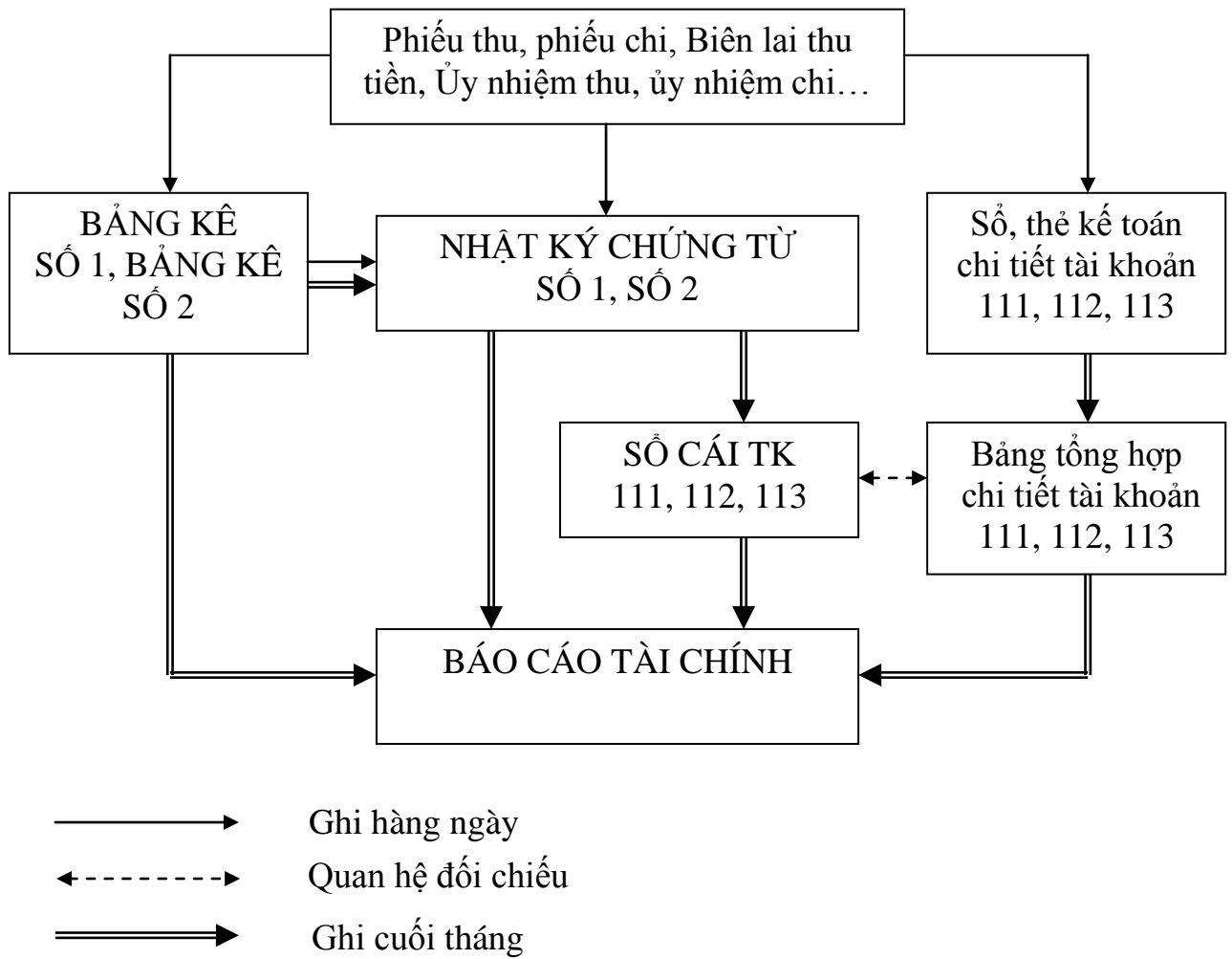
- Cuối tháng khoá sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký chứng từ, kiểm tra đối chiếu số liệu trên các Nhật ký chứng từ với các sổ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ cái TK 111, 112, 113.

- Số liệu tổng cộng ở Sổ Cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký chứng từ, Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký chứng từ: Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của các loại tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng nợ.

- Kết hợp chặt chẽ với việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản)
- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với việc hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép

Sơ đồ 1.9. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chứng từ



1.5.5. Hình thức Kế toán máy

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ gốc: phiếu thu, phiếu chi, uỷ nhiệm thu, uỷ nhiệm chi... hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại: bảng kê thu, chi tiền mặt, tiền gửi... đã được kiểm tra, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

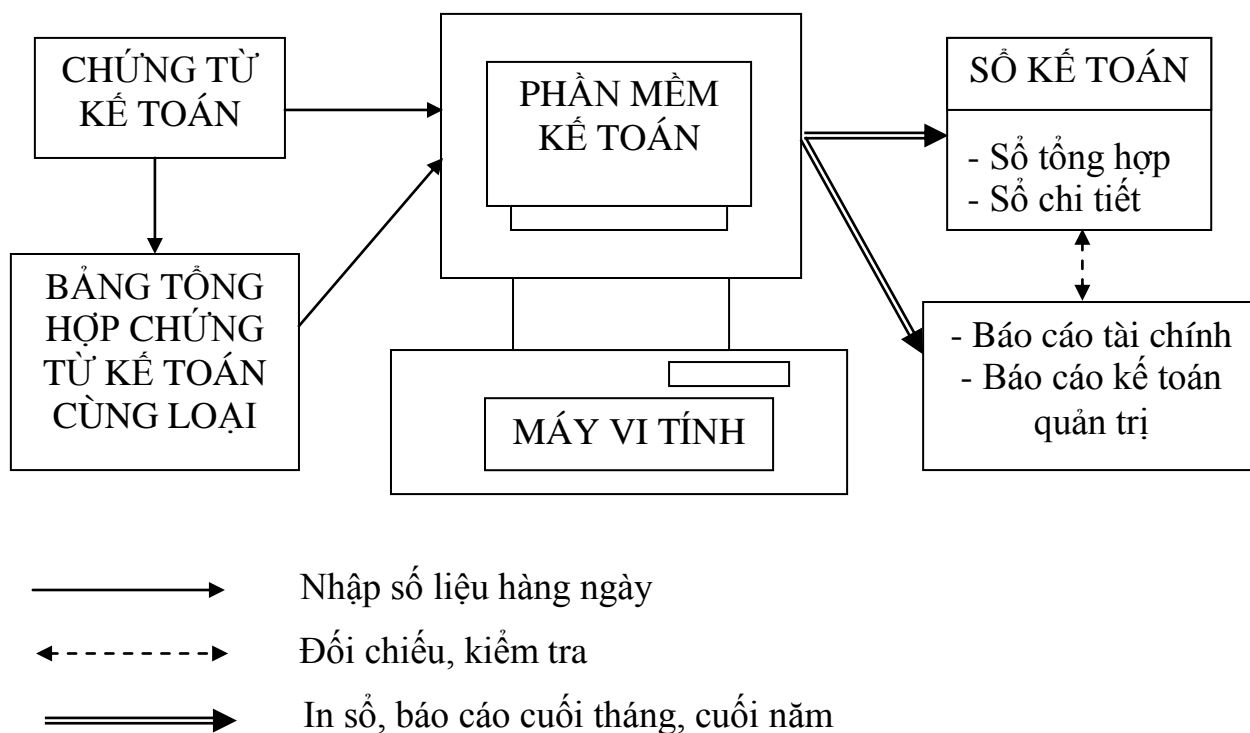
- Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được nhập vào máy theo từng chứng từ và tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp và các sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

- Cuối tháng, kế toán thực hiện khoá sổ và lập báo cáo tài chính.

- Cuối kỳ kế toán, sổ kế toán được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán máy là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán được quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Sơ đồ 1.10. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy



CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẢI AN

2.1. Khái quát về Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hải An.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển tại Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hải An.

2.1.1.1. Lịch sử hình thành Công ty:

Với yêu cầu trong thời kỳ đổi mới, thời kỳ mà nền kinh tế hội nhập đang có sự phát triển như vũ bão, việc khuyến khích đa dạng các ngành nghề kinh doanh đáp ứng nhu cầu tại địa phương và các tỉnh thành trong cả nước là chủ trương của Đảng và nhà nước ta.

Căn cứ công văn số 644/ BXD-KTTC ngày 07/5/2004 về việc thành lập Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Hải An và theo quyết định số 0203001597 ngày 07/07/2005 của Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng, Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Hải An đã được thành lập dưới hình thức là một Công ty Cổ phần.

- Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẢI AN.
- Tên giao dịch : Hai An Invesment Construction joint stock company.
- Tên viết tắt : Haic.jsc
- Địa chỉ trụ sở chính : Số 139 Tôn Đức Thắng, phường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.
- Điện thoại : 0313.869527
- Mã số thuế : 0200422139
- Tài khoản : 102010000801599 tại Ngân hàng Công thương Hải Phòng.

2.1.1.2. Nguồn vốn:

Từ khi thành lập đến nay công ty luôn cố gắng bảo toàn và phát triển, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn của mình một cách hiệu quả và hợp lý.

- Vốn điều lệ Công ty: 4.000.000.000VNĐ.

Cơ cấu vốn tuân theo sở hữu:

- + Vốn thực tế sở hữu Nhà nước: 0 đồng bằng 0% vốn điều lệ.

+ Vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty là: 4.000.000.000đ bằng 100% vốn điều lệ được chia thành 40.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá 100.000 đồng/cổ phần.

Đại hội đồng cổ đông Công ty Quyết định mức tăng vốn điều lệ của Công ty nếu Công ty thấy cần thiết thông qua việc trích lợi nhuận hàng năm hoặc phát hành thêm cổ phần.

Việc giảm vốn điều lệ của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở đảm bảo đủ thanh toán các khoản nợ sau khi giảm.

2.1.1.3. Ngành nghề kinh doanh:

Xuất phát từ cơ cấu nguồn vốn cũng như tình hình cơ sở vật chất hiện có, công ty đã không ngừng phát triển sản xuất kinh doanh, đa dạng các loại hình dịch vụ, bao gồm:

- Tư vấn thiết kế tổng mặt bằng qui hoạch, thiết kế kiến trúc các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp.....

- Kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng.

- Vận tải dịch vụ hàng hoá, hành khách thuỷ bộ.

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hoá, kinh doanh bất động sản.

2.1.1.4. Đặc điểm về lao động và cơ cấu lao động hiện tại của Công ty:

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty hiện nay là: 36 người (Trong đó: Nữ có 09 người chiếm 25%, Nam có 27 người chiếm 75%).

- Bộ phận Quản lý công ty : 09 người chiếm 25%.

- Bộ phận sản xuất : 27 người chiếm 75%.

2.1.1.5. Cơ sở vật chất của Công ty:

Công ty đang từng bước hiện đại hoá cơ sở vật chất để phục vụ công tác hành chính và công tác sản xuất:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: Nhà điều hành công ty, nhà văn phòng, nhà bảo vệ công ty, nhà ở cho CBCNV công ty...

- Máy móc thiết bị: Máy thuỷ bình, máy kinh vĩ cơ học, máy đo sâu..

- Thiết bị, dụng cụ quản lý: máy điện thoại, máy vi tính, máy in....

2.1.2. Những thuận lợi và khó khăn của Công ty CP Đầu tư xây dựng Hải An.

2.1.2.1. Thuận lợi:

Trước mắt cũng như lâu dài, Công ty đã có những điều kiện thuận lợi nhất định, đảm bảo cho sự phát triển về sản xuất cũng như các hoạt động kinh doanh, tạo các mối quan hệ tốt với các bạn hàng và khẳng định vị thế của mình trên thương trường.

Thuận lợi về giao thông địa lý: nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Bắc, lại đóng trụ sở tại nơi có điều kiện giao thông huyết mạch của thành phố, dễ dàng trong việc đi lại và vận chuyển hàng hoá; đặc biệt là gần cầu cảng Hải Phòng vì công ty thường xuyên nhập hàng từ nước bạn qua đường thuỷ, đã tiết kiệm được khoản chi phí lớn cho việc vận chuyển hàng hoá và thuận lợi cho việc giao dịch kinh doanh, trao đổi thông tin về kinh tế thị trường, điều đó giúp cho công ty chủ động lựa chọn phương án kinh doanh, đáp ứng kịp thời nhu cầu của thị trường trong mọi tình huống.

Thuận lợi về cơ sở hạ tầng: công ty đang dần từng bước hiện đại hoá về cơ sở vật chất trong công ty: Nhà kho, bến bãi, phương tiện, máy móc sản xuất, phương tiện quản lý....

Thuận lợi về nguồn nhân lực: đội ngũ trẻ rất năng động và nhiệt tình, có năng lực, được đào tạo cơ bản, thường xuyên có các sáng kiến đóng góp trong hoạt động kinh doanh... Họ thực sự đã góp một phần quan trọng trong sự phát triển của doanh nghiệp.

2.1.2.2. Khó khăn:

Đi cùng với thuận lợi là những khó khăn đòi hỏi tập thể công ty tìm cách khắc phục để duy trì sự phát triển của công ty.

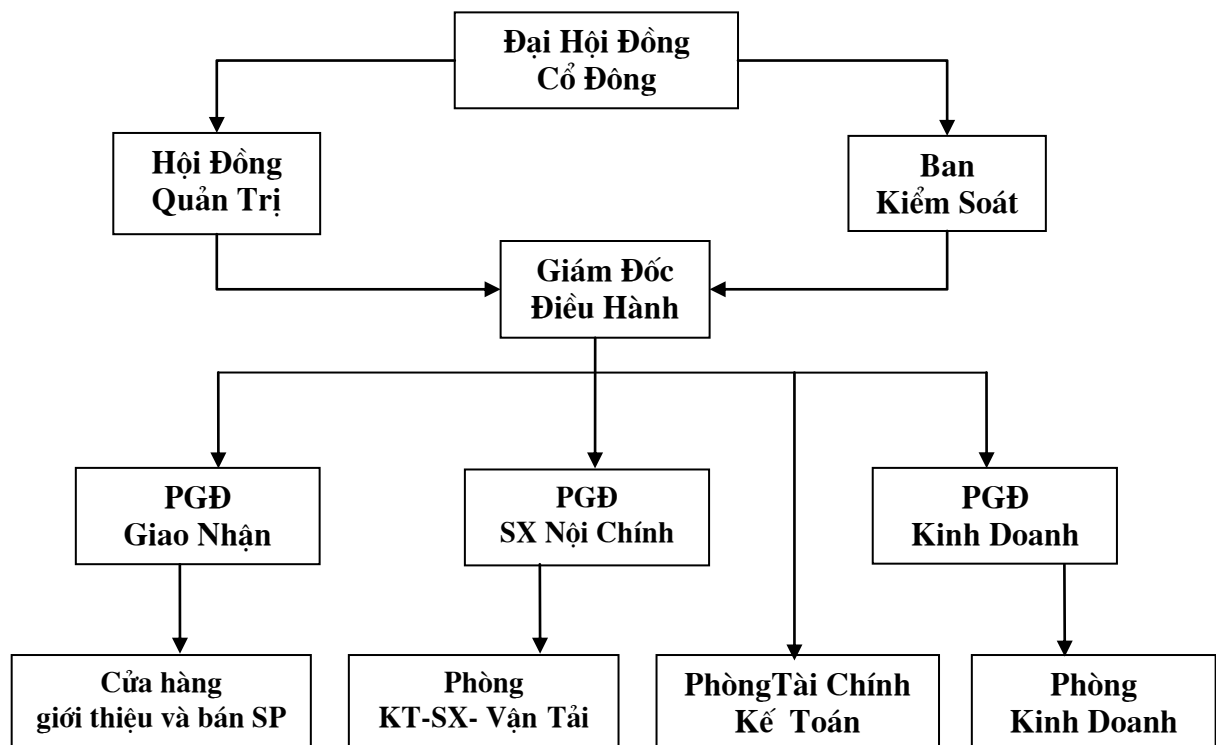
Được thành lập và đi vào hoạt động trong nền kinh tế thị trường mở nên Công ty phải đương đầu nhiều hơn với những thách thức từ thị trường, từ các bạn hàng trong nước, nhất là những tác động từ các đối tác nước ngoài.

- Nguồn vốn hiện có của Công ty được huy động chủ yếu từ các cổ đông là thành viên cũ, nên bị hạn chế về quy mô, sẽ là một chướng ngại lớn trong cạnh tranh phát triển, nhất là những ngành hàng đòi hỏi vốn lớn như Công ty đang làm.

- Quan hệ đối nội, đối ngoại của HĐQT, ban lãnh đạo chưa phát huy tối đa và chưa biết tập hợp mạnh của tập thể để có những bước đột phá về ngoại giao đặc biệt là trong lĩnh vực về tài chính tín dụng với chính quyền và các đối tác nước ngoài để làm hậu thuẫn cho các hoạt động của công ty được thuận lợi.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Công ty CP Đầu tư xây dựng Hải An.

* Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty:



➤ Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông công ty bao gồm tất cả các cổ đông trong công ty có cổ phần phổ thông, có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty.

Một số quyền và nghĩa vụ:

- + Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần đ-ợc quyền chào bán của từng loại, quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần.
- + Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát.
- + Quyết định tổ chức, giải thể; bổ sung, sửa chữa lại điều lệ công ty.

➤ Hội đồng quản trị Công ty:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông .

Chủ tịch hội đồng quản trị đ- ợc bầu ra từ các thành viên trong hội đồng quản trị, chủ tịch HĐQT có thể kiêm luôn giám đốc.

Một số quyền và nghĩa vụ:

+ Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần đ- ợc quyền chào bán từng loại, quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác .

+ Quyết định ph- ơng án phát triển thị tr- ờng, tiếp thị và công nghệ, thông qua hợp đồng mua, bán cho vay và hợp đồng khác có giá trị lớn hơn hoặc bằng 50% tổng giá trị ghi trong sổ kế toán của Công ty .

+ Bổ nhiệm miễn nhiệm, cách chức Giám đốc và các cán bộ quan trọng khác của công ty, quyết định mức l- ơng và lợi ích khác của các cán bộ đó.

+ Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp cổ phần của các doanh nghiệp khác .

+ Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 5 năm. Trong thời gian của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông có thể bãi nhiệm một thành viên của Hội đồng quản trị nếu cá nhân cổ đông đại diện ít nhất 30% vốn điều lệ yêu cầu .Thành viên hội đồng quản trị sẽ bị bãi nhiệm nếu có nhóm cổ đông đại diện ít nhất 60% vốn điều lệ .

.....

➤ **Ban kiểm soát công ty:**

Ban kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm kỳ là 5 năm, trong đó có một thành viên có chuyên môn về kế toán. Tr- ởng ban kiểm soát phải là cổ đông của công ty. Ng- ời bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc phải chấp nhận hình phạt tù hoặc bị toà án t- ớc quyền hành nghề vi phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, buôn bán hàng giả , kinh doanh trái phép, lừa dối khách hàng không đ- ợc làm thành viên ban kiểm soát .

Một số quyền và nghĩa vụ:

+ Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính.

+ Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của công ty, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần

thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, theo các yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông vô hữu trên 10% cổ phần phổ thông .

+ Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực hợp lý của việc ghi chép, l- u giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của công ty, tính trung thực và hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động của công ty .

+Không đ- ợc tiết lộ bí mật của công ty .

➤ **Giám đốc điều hành:**

Giám đốc công ty do Hội đồng quản trị bầu ra. Giám đốc Công ty là ng- ời đại diện theo pháp luật của Công ty, là ng- ời đứng đầu Ban giám đốc công ty điều hành hoạt động hàng ngày của công ty và chịu trách nhiệm tr- ớc hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ đ- ợc giao.

➤ **Phó giám đốc giao nhận:**

Phụ trách công tác giao nhận và nhân lực thuộc tổ giao nhận, theo dõi tình hình thực hiện công nợ và các yêu cầu của khách hàng ở khu vực miền Trung và Sài Gòn, trực tiếp phụ trách và theo dõi hoạt động của hàng vật t- thứ liệu của công ty.

➤ **Phó giám đốc kinh doanh:**

Phụ trách công tác kinh doanh, xuất nhập hàng hoá của Công ty, phụ trách nhân lực và điều vận ph- ơng tiện vụ việc xếp dỡ hàng hoá; phụ trách khai thác hàng hoá và bán hàng, đặc biệt là các loại hàng hoá truyền thống và đang làm; phụ trách quản lý điều hành tổ bốc xếp của công ty.

➤ **Phòng kỹ thuật sản xuất và vận tải:**

Chỉ đạo công tác kỹ thuật đối với các thiết bị, ph- ơng tiện trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh; đảm bảo tính pháp lý đối với các thiết bị, ph- ơng tiện và với ng- ời lao động; quản lý mở sổ sách, hồ sơ theo dõi kỹ thuật các ph- ơng tiện, thiết bị máy móc và trang thiết bị kỹ thuật; đảm bảo công tác an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ và phòng chống bão lụt.

➤ **Phòng tài chính kế toán:**

*Nhiệm vụ của phòng tài chính kế toán .

Chấp hành nghiêm chỉnh pháp lệnh kế toán thống kê và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan trong hoạt động tài chính kế toán của công ty.

+ Tr-ởng phòng tài chính kế toán phải tổ chức bộ máy chuyên môn nghiệp vụ đủ năng lực đáp ứng nhu cầu quản lý tài chính và yêu cầu cung cấp thông tin nhanh của Giám đốc công ty mọi lúc mọi nơi .

+ Quản lý các nguồn tài chính của Công ty, tổ chức huy động và sử dụng vốn vào phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty trên cơ sở ph- ơng án kinh doanh có hiệu quả kinh tế.

+ Tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán của Công ty phù hợp với mô hình sản xuất kinh doanh của Công ty với bộ máy linh hoạt gọn nhẹ làm việc có hiệu quả.

+ Tổ chức ghi chép, tính toán phản ánh chính xác, trung thực kịp thời đầy đủ toàn bộ tài sản. Tính toán và trích nộp đúng đủ kịp thời các khoản nộp ngân sách, thanh toán đúng hạn các khoản vay, các khoản công nợ phải thu phải trả, cổ tức...

+ Lập đầy đủ và đúng hạn các báo cáo kế toán, tờ khai thuế GTGT báo cáo quyết toán của Công ty và cung cấp thông tin theo chế độ quy định .

+ Tổ chức phân tích hoạt động kinh tế trong Công ty một cách th- ờng xuyên nhằm đánh giá đúng đắn tình hình, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

* Nội dung hoạt động của phòng tài chính kế toán:

+ Kế toán tr- ởng Công ty chịu trách nhiệm trực tiếp với Giám đốc về công việc thuộc nhiệm vụ của phòng tài chính của kế toán, có quyền phân công chỉ đạo trực tiếp tất cả nhân viên trong phòng kế toán của Công ty.

+ Phòng tài chính kế toán của Công ty chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc do đó mọi hoạt động liên quan đến việc thanh toán chi trả đều phải có ý kiến của Giám đốc hoặc ý kiến của ng- ời khác đ- ợc Giám đốc uỷ quyền khi đi vắng và phải hội đủ các chữ ký của kế toán tr- ởng, kế toán thanh toán và thủ quỹ mới thực hiện, lúc đó chứng từ mới có giá trị pháp lý.

➤ **Phòng kinh doanh**

Phòng kinh doanh có nhiệm vụ cùng với phó Giám đốc kinh doanh giúp Giám đốc trong việc kinh doanh khai thác hàng hoá và các dịch vụ khác; phải th- ờng xuyên nghiên cứu s- u tầm các thông tin liên quan đến giá cả thị tr- ờng, nguồn hàng và khai thác các khách hàng, tr- ởng phòng kinh doanh phải chịu trách nhiệm tr- ớc giám đốc công ty về mọi hoạt động của phòng mình trong hoạt động kinh doanh.

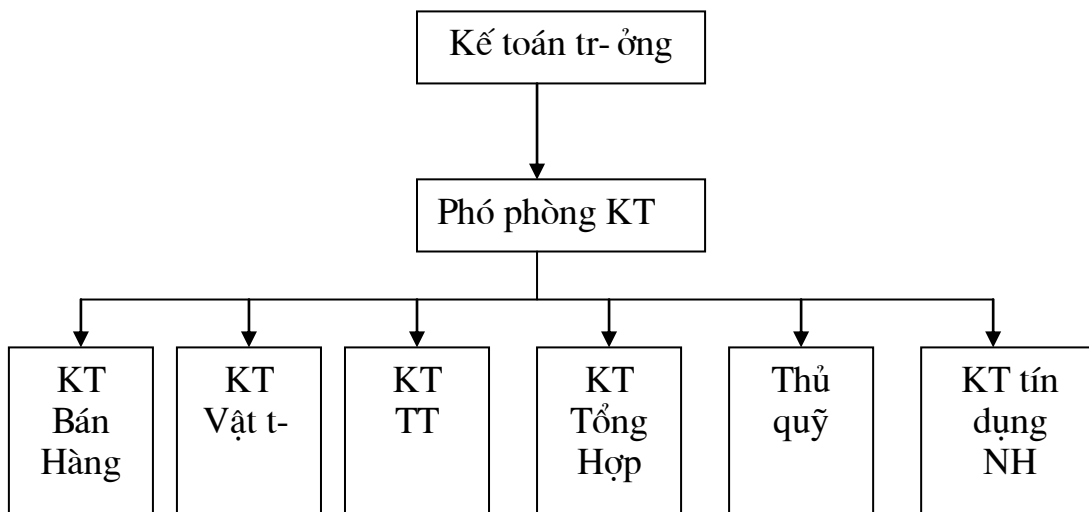
Bên cạnh đó còn có thêm chức danh Thủ kho để quản lý hàng hóa xuất, nhập, tồn trong ngày, các loại sổ sách liên quan đến hàng hóa xuất nhập (sổ

nhật ký, thẻ kho,...), đảm bảo số lượng cũng như chất lượng hàng hóa tại kho, báo cáo thường xuyên và kịp thời thông tin lên lãnh đạo công ty để có các phương án xử lý thích hợp.

2.1.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của Công ty CP Đầu tư xây dựng Hải An.

2.1.4.1. Mô hình bộ máy kế toán của Công ty CP Đầu tư xây dựng Hải An.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải An là một đơn vị hạch toán độc lập. Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình kế toán tập trung. Toàn bộ công việc kế toán được thực hiện tập trung ở phòng kế toán. Tại phòng kế toán, kế toán tiến hành kiểm tra chứng từ ban đầu, phân loại xử lý ghi sổ, hệ thống hóa số liệu, thực hiện chế độ báo cáo tài chính tháng, quý, năm để cung cấp thông tin kế toán phục vụ yêu cầu quản lý tài chính và cung cấp với các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định.



Các nhân viên kế toán trong bộ máy kế toán có mối liên hệ chặt chẽ xuất phát từ sự phân công lao động phân hành trong bộ máy kế toán. Mỗi cán bộ nhân viên đều được quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, để từ đó tạo thành mối liên hệ có tính vị trí, lệ thuộc, chế - ớc lẫn nhau. Guồng máy kế toán hoạt động hiệu quả là do sự phân công, tạo lập mối quan hệ giữa các kế toán theo tính chất khác nhau

+ Kế toán tr-ởng: chỉ đạo chung công việc, chịu trách nhiệm trực tiếp với Giám đốc về công việc thuộc nhiệm vụ của phòng tài chính của kế toán, phân công công việc cho từng bộ phận, đồng thời có trách nhiệm lập báo cáo định kỳ kết thúc tháng (quý, năm) cho Giám đốc về tình hình kinh doanh của Công ty.

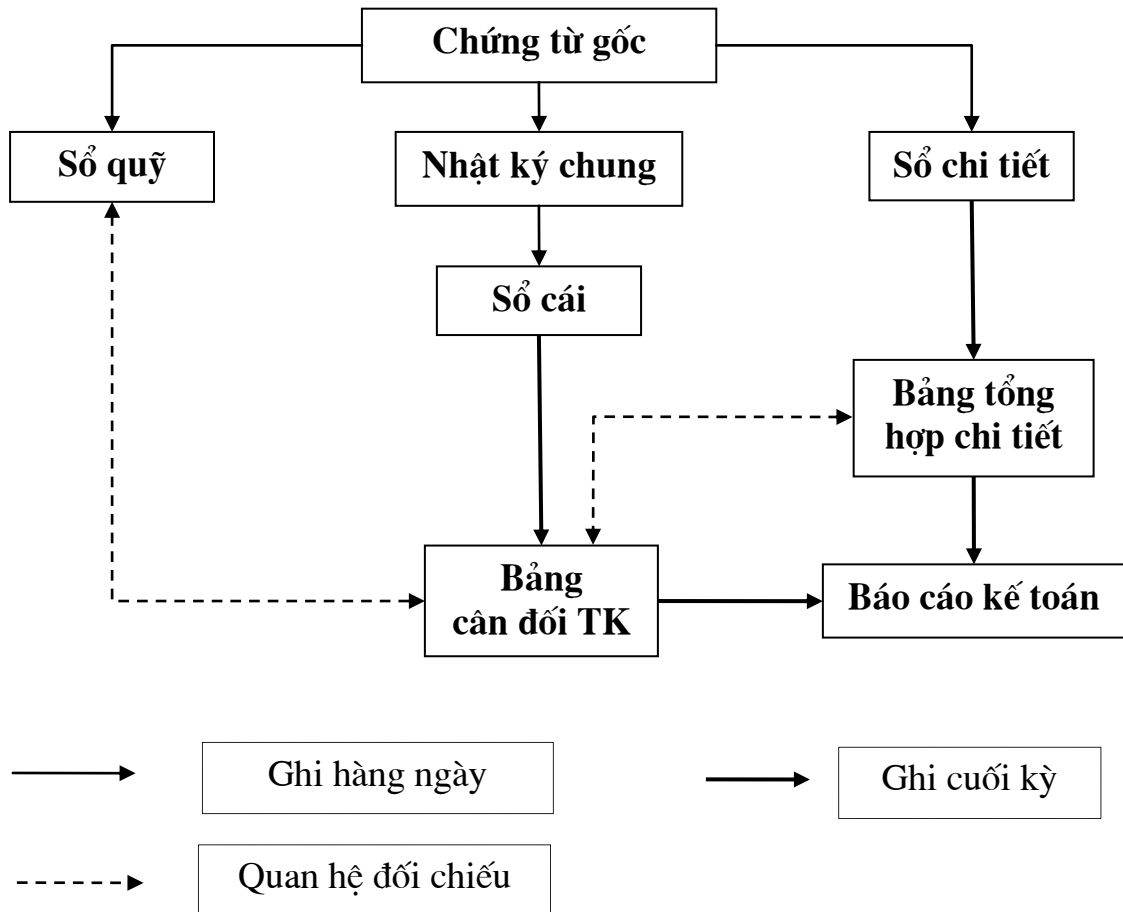
+ Kế toán tổng hợp và tính giá thành: chịu trách nhiệm tổng hợp toàn bộ chứng từ sổ sách, ghi chép các nghiệp vụ diễn ra hàng ngày, tính ra chi phí , giá thành các loại hàng hoá có trong đơn vị...

+ Kế toán công nợ: có nhiệm vụ ghi chép các khoản phải thu, phải trả, vay nợ của công ty với bạn hàng và ng- ợc lại...

+ Thủ quỹ: chịu trách nhiệm về các khoản thu, chi tiền mặt, phải có chứng từ hợp lệ chứng minh, chứng từ phải có chữ ký của Giám đốc Công ty và Kế toán tr- ờng.

2.1.4.2. Hình thức kế toán áp dụng tại Công ty CP Đầu tư xây dựng Hải An.

Để đáp ứng nhu cầu quản lý và phù hợp với trình độ nhân viên kế toán, công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Trình tự hạch toán theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải An được thể hiện qua sơ đồ sau:



Với hình thức kế toán Nhật ký chung, hàng ngày kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian sau đó căn cứ vào sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ Cái. Cuối tháng tổng hợp số liệu sổ Cái và lấy số liệu sổ Cái ghi vào Bảng cân đối số phát sinh các tài khoản tổng hợp.

Đối với các tài khoản có mở các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết thì sau khi ghi sổ nhật ký phải căn cứ vào chứng từ gốc ghi vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết liên quan, cuối tháng cộng sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào đó lập các Bảng tổng hợp chi tiết của từng tài khoản để đối chiếu với Sổ cái.

Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng các số liệu, Bảng cân đối số phát sinh được dùng làm căn cứ để lập Báo cáo tài chính.

2.1.4.3. Các chính sách kế toán của Công ty CP Đầu tư xây dựng Hải An.

Hiện nay công ty đang áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành kèm theo quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

Hình thức ghi sổ của công ty áp dụng là hình thức Nhật Ký Chung đ-ợc thực hiện qua phần mềm kế toán.

Công ty sử dụng thống nhất một đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam để phục vụ cho việc ghi chép. Trường hợp phát sinh các giao dịch liên quan đến ngoại tệ thì sẽ quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam để ghi chép kế toán.

Ph-ơng pháp kế toán hàng tồn kho, thực hiện theo ph-ơng pháp kê khai th-ờng xuyên, hàng tồn kho đ-ợc ghi sổ theo giá gốc. Giá trị hàng tồn kho đ-ợc xác định theo ph-ơng pháp bình quân gia quyền.

Ph-ơng pháp kế toán TSCĐ: TSCĐ đ-ợc ghi sổ theo giá gốc, giá trị hao mòn và giá trị còn lại. Khấu hao TSCĐ theo ph-ơng pháp đ-ờng thẳng, thời gian khấu hao xác định phù hợp theo quyết định số 166/1999/QĐ - BTC.

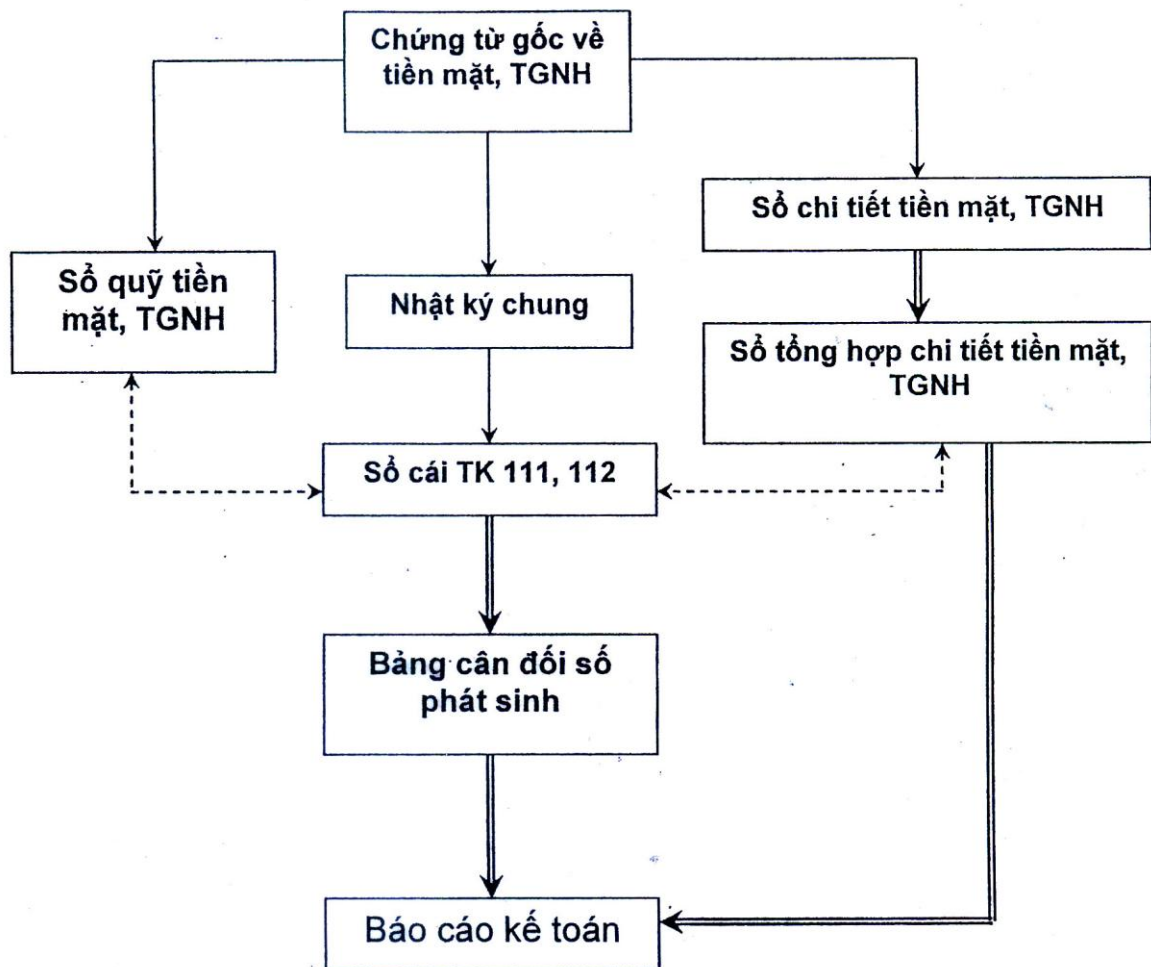
Tính GTGT theo ph-ơng pháp khấu trừ và tính giá thành sản phẩm theo ph-ơng pháp trực tiếp.

Hàng quý kế toán lập báo cáo theo quý, hàng năm lập báo cáo tổng hợp và quyết toán thuế.

2.2. Thực trạng kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hải An.

Vốn bằng tiền là một bộ phận của tài sản lưu động, tồn tại dưới hình thức tiền tệ. Với tính lưu hoạt cao nhất, vốn bằng tiền được sử dụng để đáp ứng nhu cầu thanh toán của Công ty. Tại Công ty Cổ Phần Đầu tư Xây Dựng Hải An vốn bằng tiền bao gồm hai loại: Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

Quy trình ghi sổ phần hành kế toán vốn bằng tiền được khái quát qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 8 : Quy trình ghi sổ tổng hợp phần hành kế toán vốn bằng tiền

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ: Phiếu thu, Phiếu chi, Giấy báo Nợ, Giấy báo Có; Thủ quỹ và kế toán ngân hàng tiến hành nhập dữ liệu vào sổ quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng. Sổ quỹ tiền gửi ngân hàng được mở chi tiết theo từng ngân hàng và cùng với sổ quỹ tiền mặt được tập hợp đóng thành từng quyển vào cuối tháng. Sổ quỹ được mở để theo dõi số tồn quỹ đầu tháng, số tiền thu chi của từng

ng nghiệp vụ, số tiền dư tại quỹ sau mỗi nghiệp vụ phát sinh và số tồn quỹ cuối tháng. Các quyển sổ này được đối chiếu với Sổ cái tiền mặt, tiền gửi ngân hàng vào cuối mỗi tháng.

Sau đó kế toán ngân hàng, thủ quỹ chuyển chứng từ đó cho kế toán tổng hợp nhập dữ liệu vào sổ Nhật ký chung các nghiệp vụ tăng giảm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng theo trình tự kinh tế phát sinh và theo nội dung từng nghiệp vụ cho phù hợp. Trên cơ sở Nhật ký chung, dữ liệu sẽ tiếp tục được chuyển vào Sổ cái TK111, 1121, 1122, 112 lần lượt theo các nghiệp vụ phát sinh trên sổ Nhật ký chung.

Cũng căn cứ vào các chứng từ trên, thủ quỹ và kế toán ngân hàng tiến hành nhập vào sổ chi tiết tiền mặt, tiền gửi ngân hàng nội dung các nghiệp vụ phát sinh, tài khoản đối ứng, số dư và số phát sinh tiền mặt, tiền gửi ngân hàng. Cuối tháng số liệu tổng cộng số phát sinh của các tài khoản này trên sổ chi tiết sẽ được chuyển vào sổ tổng hợp chi tiết tiền mặt, tiền gửi ngân hàng. Sổ tổng hợp chi tiết này được đối chiếu với Sổ cái tiền mặt, tiền gửi ngân hàng vào cuối tháng.

Cuối quý căn cứ vào số liệu tổng cộng trên sổ cái TK111, 112 lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ số liệu Bảng cân đối số phát sinh và số liệu tổng cộng trên sổ tổng hợp chi tiết tiền mặt, tiền gửi ngân hàng; kế toán tổng hợp tiến hành lập Bảng cân đối kế toán. Số liệu tổng cộng đó được trình bày trên khoản mục Tiền mặt và Tiền gửi ngân hàng trong Bảng cân đối kế toán.

2.2.1. Kế toán tiền mặt tại Công ty

Tiền mặt: Được lưu trữ và quản lý tại quỹ của Công ty. Tiền mặt tại quỹ của Công ty chỉ có tiền Việt nam đồng, không có ngoại tệ. Các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến tiền mặt không nhiều và giá trị không lớn, chủ yếu là các nghiệp vụ tạm ứng, thanh toán lương các khoản phụ cấp lương, BHXH cho cán bộ công nhân viên. Ngoài ra đối với những khoản thanh toán cho nhà cung cấp và cho khách hàng với số tiền không lớn hoặc những hợp đồng kinh doanh nhỏ lẻ, Công ty cũng sử dụng phương thức thanh toán bằng tiền mặt.

Các nghiệp vụ tiền mặt luôn được ghi chép phản ánh hàng ngày liên tục theo trình tự phát sinh những khoản thu, khoản chi xuất nhập quỹ và có thể tính ra số tồn quỹ ở mọi thời điểm. Tiền mặt tại quỹ của công ty luôn dao động trong một

khoảng giá trị nhất định để đảm bảo được mức tồn quỹ tối ưu nhất. Nhờ vậy Công ty luôn chủ động trong quá trình thanh toán và tránh ứ đọng nguồn vốn giúp cho vòng lưu chuyển tiền nhanh hơn.

Để nâng cao tính an toàn của tiền mặt tại quỹ tránh những gian lận sai sót đáng tiếc có thể xảy ra, công ty tiến hành kiểm kê quỹ một năm một lần. Quá trình kiểm kê quỹ từ khi phát lệnh kiểm kê đến khi lập biên bản kiểm kê được thực hiện đúng với qui định hiện hành. Thành phần ban kiểm kê bao gồm tất cả các đại diện phòng ban chức năng của Công ty trong đó Giám đốc Công ty là trưởng ban kiểm kê. Ngoài những đợt kiểm kê định kỳ để tính an toàn của tiền mặt tại quỹ được nâng cao hơn, công ty còn tiến hành các đợt kiểm kê quỹ đột xuất.

2.2.1.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu (Mã số 01-TT)
- Phiếu chi (Mã số 02-TT)
- Giấy đề nghị tạm ứng (Mã số 03-TT)
- Giấy thanh toán tiền tạm ứng (Mã số 04-TT)
- Giấy đề nghị thanh toán (Mã số 05-TT)
- Danh sách chi lương, danh sách thu tiền BHXH.
- Hóa đơn bán hàng (Hoá đơn bán lẻ, hóa đơn GTGT).
- Hoá đơn mua hàng, hợp đồng mua hàng.

Phiếu thu, phiếu chi được đóng thành quyển và được đánh số từng quyển theo thứ tự từ trang 1 đến trang n trong một năm. Số phiếu thu, phiếu chi cũng được đánh thứ tự từ số 1 đến số n và mang tính nối tiếp từ quyển này sang quyển khác.

Khi phát sinh nghiệp vụ về tiền mặt, kế toán tiến hành lập phiếu thu, phiếu chi. Phiếu thu, phiếu chi được lập làm 2 đến 3 liên ghi đầy đủ nội dung, có đủ chữ ký người thu, người nhận, người cho phép nhập, xuất quỹ, sau đó chuyển cho kế toán trưởng duyệt (riêng phiếu chi phải có chữ ký của thủ trưởng đơn vị). Một liên lưu tại nơi lập phiếu, các liên còn lại chuyển cho thủ quỹ để thu (hoặc chi) tiền. Sau khi nhập (hoặc xuất) tiền thủ quỹ phải đóng dấu “đã thu” hoặc “đã chi” và ký tên vào phiếu thu, phiếu chi, thủ quỹ giữ một liên để ghi sổ quỹ, một liên giao cho người nộp (hoặc người nhận) tiền, cuối ngày chuyển cho kế toán để ghi sổ.

Phiếu chi được kèm với hóa đơn GTGT (Liên 2: Giao cho khách hàng)

Phiếu thu được kèm với hóa đơn GTGT (Liên 3: Nội bộ)

2.2.1.2. Tài khoản sử dụng .

Tại quỹ của Công ty chỉ gồm loại tiền duy nhất là tiền Việt nam đồng không có ngoại tệ và vàng bạc đá quý nên Công ty chỉ sử dụng một loại tài khoản duy nhất để hạch toán tiền mặt của công ty là TK 111: - Tiền mặt và được chi tiết thành TK 1111 - Tiền mặt tại quỹ.

2.2.1.3. Sổ sách kế toán sử dụng

Các sổ dùng để hạch toán tiền mặt tại quỹ:

- Sổ quỹ tiền mặt
- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 111

2.2.1.4. Trình tự ghi sổ kế toán tiền mặt tại Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hải An.

Khi có nghiệp vụ thu chi tiền mặt xảy ra, kế toán căn cứ vào hoá đơn bán hàng (mua hàng) để lập phiếu thu (phiếu chi), sau khi ghi đầy đủ các nội dung trên phiếu và ký vào phiếu chuyển cho kế toán trưởng duyệt (và cả thủ trưởng đơn vị - đối với phiếu chi), sau đó phiếu thu (phiếu chi) được chuyển cho thủ quỹ để thủ quỹ thực hiện các nghiệp vụ thanh toán đồng thời ghi sổ quỹ. Căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi kế toán vào sổ Nhật ký chung, từ sổ Nhật ký chung kế toán vào Sổ cái tiền mặt. Cuối mỗi quý, căn cứ vào Sổ cái tiền mặt, kế toán vào Bảng cân đối tài khoản. Từ Bảng cân đối tài khoản và Sổ cái tiền mặt, kế toán tiến hành lập Báo cáo tài chính cho quý đó.

Để hiểu rõ hơn về hoạt động kế toán tiền mặt tại Công ty Đầu tư Xây dựng Hải An ta có thể xem nghiệp vụ sau :

❖ Nghiệp vụ 1:

Ngày 02/12/2009 Anh Nguyễn Văn Hai thuộc Công ty TNHH Thành Hưng - Km5 Đường Phạm Văn Đồng - Quận Dương Kinh - Hải Phòng đã thanh toán tiền mua vật liệu xây dựng cho công ty. Khi đó kế toán của công ty đã lập hoá đơn bán hàng Hoá đơn GTGT số 0051471 thành 3 liên: liên 2 giao cho bên mua (hoá đơn đỏ), liên 3 dùng để làm căn cứ ghi sổ và liên 1 để lưu giữ.

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT-3LL		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			HK/2009B		
Liên 3: Nội bộ					
Ngày 02 tháng 12 năm 2009			0051471		
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải An.					
Địa chỉ: Số 139 Tôn Đức Thắng, Lê Chân, Hải Phòng.					
Số tài khoản:					
Điện thoại: MS: <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="4"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="3"/> <input type="text" value="9"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Văn Hai					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Thành Hưng					
Địa chỉ: Km5 Đường Phạm Văn Đồng - Quận Dương Kinh - Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: TM MS: <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="3"/> <input type="text" value="5"/> <input type="text" value="5"/> <input type="text" value="8"/> <input type="text" value="6"/> <input type="text" value="9"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
Số TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Cát trát	M ³	20	100.000	2.000.000
2	Gạch lỗ	Viên	8.800	900	7.920.000
3	Xi măng	Tấn	8	980.000	7.840.000
Cộng tiền hàng:					17.760.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		1.776.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:					19.536.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn đồng chẵn./.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)					

Từ hoá đơn bán hàng trên, kế toán sẽ lập 3 liên phiếu thu, 1 liên lưu, 2 liên còn lại giao cho thủ quỹ, sau khi thủ quỹ thu tiền xong rồi giao 1 liên cho người nộp tiền, 1 liên để ghi sổ kế toán.

Đơn vị: Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hải An
Địa chỉ: Số 139 Tôn Đức Thắng – Lê Chân -HP

Mẫu số 01 -TT
Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU THU
Ngày 02 tháng 12 năm 2009

Quyển số: 12
Số: PT335
Nợ: 111
Có: 511, 333

Họ và tên người nộp tiền: Nguyễn Văn Hai

Địa chỉ : Công ty TNHH Thành Hưng - Km5 Đường Phạm Văn Đồng

Lý do nộp : Thu tiền bán vật liệu xây dựng

Số tiền : 19.536.000đ

Bằng chữ : Mười chín triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn đồng chẵn./.

Kèm theo.....chứng từ gốc

Ngày 02 tháng 12 năm 2009

Thủ trưởng đơn vị (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người lập (Ký, họ tên)	Người nộp (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
---	--------------------------------	---------------------------	---------------------------	-------------------------

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười chín triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn đồng chẵn..

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý).....

+ Số tiền quy đổi

❖ **Nghiệp vụ 2:**

Ngày 05/12/2009 thu tiền thuế thu nhập cá nhân tháng 11 của chị Nga – là CBCNV Công ty số tiền là 340.000 đồng

Kế toán viết phiếu thu:

Đơn vị: Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hải An		Mẫu số 01 -TT		
Địa chỉ: Số 139 Tôn Đức Thắng – Lê Chân -HP		Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC		
		Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC		
PHIẾU THU			Quyên số: 12	
<i>Ngày 05 tháng 12 năm 2009</i>			Số: PT336	
			Nợ: 1111	
			Có: 3335	
Họ và tên người nộp tiền: Nguyễn Thúy Nga				
Địa chỉ : Phòng kế toán				
Lý do nộp : Nộp tiền thuế thu nhập cá nhân				
Số tiền : 340.000				
Bằng chữ : Ba trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn./.				
Kèm theo.....chứng từ gốc				
<i>Ngày 05 tháng 12 năm 2009</i>				
Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập	Người nộp	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
<i>Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Ba trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn./.</i>				
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý).....				
+ Số tiền quy đổi				

Phiếu thu tiền được chuyển cho thủ quỹ để thực hiện thanh toán và vào sổ quỹ.

❖ **Nghiệp vụ 3**. Ngày 10/12/2009, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải An mua hàng của Công ty TNHH thương mại Phú Thành theo HĐ0052798 trả bằng tiền mặt.

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT-3LL		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			NB/2009B		
Liên 2: Giao khách hàng					
Ngày 10 tháng 12 năm 2009			0052798		
Đơn vị bán hàng: CTTNHH thương mại và dịch vụ XNK Phú Thành					
Địa chỉ: P.Hàng Kênh-Lê Chân-HP					
Số tài khoản:					
Điện thoại: MS: <input type="text" value="5"/> <input type="text" value="7"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="9"/> <input type="text" value="8"/> <input type="text" value="5"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="4"/> <input type="text" value="3"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
Họ tên người mua hàng: Phạm Mạnh Quân					
Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải An					
Địa chỉ: Số 139 Tôn Đức Thắng, Lê Chân, Hải Phòng.					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: TM MS: <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="4"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="3"/> <input type="text" value="9"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
Số TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Dây điện HQ2x2.5	m	1.500	10.000	15.000.000
Cộng tiền hàng:					15.000.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			1.500.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					16.500.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng chẵn./.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)					

Người mua hàng là anh Phạm Mạnh Quân sẽ căn cứ vào hóa đơn lập giấy đề nghị thanh toán, và đưa giấy này cho kế toán công ty.

Đơn vị: Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hải An
Địa chỉ: Số 139 Tôn Đức Thắng - Lê Chân - HP

Mẫu số 05 -TT
Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN
Ngày 10 tháng 12 năm 2009

Kính gửi: Giám đốc Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hải An.

Họ tên người đề nghị thanh toán: Phạm Mạnh Quân

Địa chỉ: Phòng kế toán

Nội dung: Thanh toán tiền mua dây điện.

Số tiền: 16.500.000đ

Bằng chữ: Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng chẵn

Hải Phòng, ngày 10 tháng 12 năm 2009

Người đề nghị thanh toán
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

Căn cứ vào giấy đề nghị thanh toán và hóa đơn, kế toán lập 2 phiếu chi, 1 liên lưu, 1 liên giao cho thủ quỹ, sau khi thủ quỹ chi tiền xong rồi chuyển liên đó cho kế toán để kế toán ghi sổ.

Đơn vị: Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hải An
Địa chỉ: Số 139 Tôn Đức Thắng - Lê Chân - HP

Mẫu số 02 -TT
Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI
Ngày 10 tháng 12 năm 2009

Quyển số: 14
Số: PC421
Số: 156,133
Số: 111

Họ và tên người nhận tiền: Phạm Mạnh Quân

Địa chỉ : Phòng kế toán

Lý do chi : Thanh toán tiền mua dây điện.

Số tiền : 16.500.000đ

Bằng chữ: Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng chẵn

Kèm theo.....chứng từ gốc

Ngày 10 tháng 12 năm 2009

Thủ trưởng đơn vị (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người lập (Ký, họ tên)	Người nhận (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
---	--------------------------------	---------------------------	----------------------------	-------------------------

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) : Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng chẵn.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý).....
+ Số tiền quy đổi

❖ **Nghiệp vụ 4**. Ngày 12/12/2009, Anh Trần Như Long - Cán bộ phòng kinh doanh tạm ứng đi công tác Hà Nội.

Anh Trần Như Long căn cứ vào công việc được giao công tác và theo quy định tạm ứng công tác của công ty để viết giấy đề nghị tạm ứng trình Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty duyệt chi.

Đơn vị: Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hải An
Địa chỉ: Số 139 Tôn Đức Thắng - Lê Chân - HP

Mẫu số 03-TT
Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG
Ngày 12 tháng 12 năm 2009

Kính gửi: Giám đốc Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hải An.

Họ tên người đề nghị tạm ứng: Trần Như Long.

Địa chỉ: Phòng Kinh doanh.

Đề nghị cho tạm ứng số tiền: 2.000.000đ (Viết bằng chữ: Hai triệu đồng chẵn)

Lý do tạm ứng: Tạm ứng đi công tác Hà Nội.

Thời hạn thanh toán: Sau chuyển công tác.

Hải Phòng, ngày 12 tháng 12 năm 2009

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ trách bộ phận
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người đề nghị tạm ứng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Căn cứ vào giấy đề nghị tạm ứng đã có đầy đủ chữ ký, kế toán lập 2 phiếu chi, 1 liên lưu, 1 liên giao cho thủ quỹ, sau khi thủ quỹ chi tiền xong rồi chuyển liên đó cho kế toán để kế toán ghi sổ.

Đơn vị: Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hải An
Địa chỉ: Số 139 Tôn Đức Thắng - Lê Chân - HP

Mẫu số 02 -TT
Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Ngày 12 tháng 12 năm 2009

Quyển số: 14
Số: PC422
Nợ: 141
Có: 111

Họ và tên người nhận tiền: **Trần Như Long.**

Địa chỉ : Phòng kinh doanh

Lý do chi : Tạm ứng tiền công tác Hà Nội.

Số tiền : 2.000.000đ

Bằng chữ : Hai triệu đồng chẵn

Kèm theo.....chứng từ gốc

Ngày 12 tháng 12 năm 2009

Thủ trưởng đơn vị (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người lập (Ký, họ tên)	Người nhận (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
---	--------------------------------	---------------------------	----------------------------	-------------------------

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) : Hai triệu đồng chẵn.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý).....

+ Số tiền quy đổi

❖ **Nghiệp vụ 5.** Ngày 15/12/2009, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải An trả tiền thuê kho tháng 11 năm 2009 theo HĐ0052811.

Biểu số 2.7

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT-3LL		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			NB/2009B		
Liên 2: Giao khách hàng					
Ngày 15 tháng 12 năm 2009			0031896		
Đơn vị bán hàng: CN CTCP kho vận và dịch vụ thương mại Hải Phòng I					
Địa chỉ: Ngõ 3 ^B Trần Khánh Dư-Ngô Quyền-Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Điện thoại:		MS: <input type="text" value="01"/> <input type="text" value="0010709"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="003"/> <input type="text"/>			
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải An					
Địa chỉ: Số 139 Tôn Đức Thắng, Lê Chân, Hải Phòng.					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: TM MS:		<input type="text" value="02"/> <input type="text" value="0042213"/> <input type="text" value="9"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>			
Số TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Trả tiền thuê kho T11/2008				3.297.000
Cộng tiền hàng:					3.927.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		392.700	
Tổng cộng tiền thanh toán:					4.319.700
Số tiền viết bằng chữ: Bốn triệu ba trăm mười chín nghìn bảy trăm đồng chẵn./.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)					

Kế toán căn cứ vào hóa đơn lập phiếu chi:

Biểu số 2.8

Đơn vị: Công ty CP Đầu tư xây dựng Hải An
Địa chỉ: Số 139 Tôn Đức Thắng - Lê Chân -HP

Mẫu số 02 -TT
Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Ngày 15 tháng 12 năm 2009

Quyển số: 14
Số: PC423
Số: 642, 133
Cố: 1111

Họ và tên người nhận tiền: CN CTCP kho vận và DVTM Hải Phòng I

Địa chỉ : Ngõ 3^B Trần Khánh Dư-Ngô Quyền-Hải Phòng

Lý do chi : Trả tiền thuê kho T11/2009

Số tiền : 4.319.700

Bằng chữ : Bốn triệu ba trăm mười chín nghìn bảy trăm đồng chẵn./.

Kèm theo.....chứng từ gốc

Ngày 15 tháng 12 năm 2009

Thủ trưởng đơn vị (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người lập (Ký, họ tên)	Người nhận (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
---	--------------------------------	---------------------------	----------------------------	-------------------------

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Bốn triệu ba trăm mười chín nghìn bảy trăm đồng chẵn./.

+ Tỷ giá ngoại tệ.....

+ Số tiền quy đổi.....

Phiếu thu, phiếu chi hàng ngày được chuyển cho thủ quỹ để thực hiện thanh toán và vào sổ quỹ tiền mặt, sau đó chứng từ sẽ tiếp tục được chuyển cho kế toán để kế toán vào sổ Nhật ký chung, từ sổ Nhật ký chung kế toán tiếp tục vào Sổ cái tài khoản tiền mặt.

SỔ CHI TIẾT TIỀN MẶT

Trích tháng 12 năm 2009

DVT: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Ngày tháng chứng từ	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Số tiền			Ghi chú
		Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn	
A	B	C	D	E	1	2	3	G
				SDDK(T12/2009)			175.031.235	
02/12	02/12	PT335		Thu tiền bán vật liệu xây dựng	19.536.000		194.567.235	
04/12	04/12		PC419	Thanh toán mua văn phòng phẩm		825.000	193.742.235	
05/12	05/12		PC420	Nộp tiền vào TK NH Công thương		50.000.000	143.742.235	
05/12	05/12	PT336		Thu thuế thu nhập cá nhân	340.000		144.082.235	
08/12	08/12	PT337		Rút TGNH nhập quỹ TM	20.000.000		164.082.235	
10/12	10/12		PC421	Mua hàng HD52798		16.500.000	147.582.235	
12/12	12/12		PC422	Tạm ứng		2.000.000	145.582.235	
15/12	15/12		PC423	Trả tiền thuê kho T11/2009		4.319.700	141.262.535	
...	
				Cộng phát sinh	39.876.000	73.644.700		
				SDCK			141.262.535	

(Trích trang Sổ quỹ tiền mặt tháng 12 năm 2009 tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải An)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG (lần 1)

Trích tháng 12 năm 2009

ĐVT: Đồng

(Trích trang Nhật ký chung tháng 12 năm 2009 tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải An)

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	ĐG SC	STT dòng	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	I	1	2
			Số trang trước chuyển sang					1.450.241.250	1.450.241.250
02/12	PT335	02/12	Thu tiền hàng	x		1111		19.536.000	
			+ Doanh thu	x			511		17.760.000
	HĐ 51471	02/12	+ Thuế GTGT phải nộp	x			3331		1.776.000
03/12	HĐ 52765	03/12	Mua hàng chưa thanh toán	x		156		27.950.000	
		03/12	+ Thuế GTGT được KT	x		133		2.795.000	
			Phải trả cho ngư ời bán	x			331		30.745.000
04/12	PC419	04/12	Mua văn phòng phẩm	x		642		750.000	
		04/12	+ Thuế GTGT được KT	x		133		75.000	
				x			111		825.000
05/12	PC420	05/12	Nộp tiền vào TKNHCT	x		112		50.000.000	
							111		50.000.000
05/12	PT336	05/12	Thu thuế TN cá nhân	x		1111		340.000	
				x			3335		340.000
08/12	PT337	08/12	Rút TG nhập quỹ TM	x		1111		20.000.000	
				x			1121		20.000.000
10/12	PC421	10/12	Mua hàng trả bằng TM	x		1561		15.000.000	
	HĐ 52798		+ Thuế GTGT được KT	x		133		1.500.000	
				x			1111		16.500.000
12/12	PC422	12/12	Tạm ứng	x		141		2.000.000	
				x			1111		2.000.000
15/12	PC423	15/12	Trả tiền thuê kho T11	x		641		3.927.000	
	HĐ 31896	15/12	+ Thuế GTGT được KT	x		133		392.700	
				x			1111		4.319.700
			Cộng chuyển trang sau					1.658.200.950	1.658.200.950

SỔ CÁI TK 111

Trích tháng 12 năm 2009

Tên tài khoản: Tiền mặt

DVT: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	Dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			SDDK(T12/2009)				175.031.235	
02/12	PT335	02/12	Thu tiền hàng			511	17.760.000	
	HĐ 84225	02/12	+ VAT phải nộp			3331	1.776.000	
04/12	PC419		Mua VPP			642		750.000
			+ VAT được KT			133		75.000
05/12	PC420		Gửi tiền NHCT			112		50.000.000
05/12	PT336	05/12	Thu thuế thu nhập cá nhân			3335	340.000	
08/12	PT337	08/12	Rút tiền gửi NH nhập quỹ TM			1121	20.000.000	
10/12	PC421	10/12	Mua hàng			1561		15.000.000
	HĐ 52798	10/12	+ VAT được KT			133		1.500.000
12/12	PC422	12/12	Tạm ứng			141		2.000.000
15/12	PC423	15/12	Trả tiền thuê kho T8/2008			641		3.927.000
	HĐ 31896	15/12	+ VAT được KT			133		392.700
.....		
			Cộng phát sinh				39.876.000	73.644.700
			SDCK				141.262.535	

(Trích trang Sổ cái tài khoản 111 tháng 12 năm 2009 tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải An)

Từ chứng từ sổ sách đã có, cuối mỗi quý kế toán tổng hợp số liệu từ TK 111 đ- a vào bảng tổng hợp chi tiết TK 111, bảng cân đối TK và báo cáo kế toán.

2.2.2. Kế toán tiền gửi Ngân hàng tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải An.

Tiền gửi ngân hàng: Cũng giống như tiền mặt, tiền gửi ngân hàng của Công ty chỉ gồm tiền Việt nam đồng, không có ngoại tệ. Công ty mở tài khoản tại Ngân hàng Công thương TP Hải Phòng.

Hầu hết các nghiệp vụ thanh toán của công ty được thực hiện qua ngân hàng như các nghiệp vụ thanh toán cho nhà cung cấp, thanh toán với khách hàng, thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước, với các tổ chức, với cơ quan BHXH, các nghiệp vụ bảo lãnh của ngân hàng cho Công ty khi Công ty tham gia đấu thầu vvv.

Tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải An, kế toán tiền gửi Ngân hàng phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời tình hình tiền gửi, giám sát việc chấp hành các chế độ quản lý tiền và chế độ thanh toán không dùng tiền mặt. Các nghiệp vụ tiền gửi Ngân hàng của công ty đều căn cứ vào các chứng từ như: giấy báo nợ, lệnh chuyển có hoặc bản sao kê của Ngân hàng kèm theo chứng từ gốc như ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, séc chuyển khoản...

Khi nhận được giấy báo của Ngân hàng, kế toán tiền gửi Ngân hàng phải kiểm tra đối chiếu với các chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch thì phải báo với Ngân hàng để kịp thời đối chiếu và xác minh. Sau khi đã đối chiếu hợp lý, kế toán căn cứ vào giấy báo nợ, lệnh chuyển có của Ngân hàng để ghi sổ chi tiết tài khoản tiền gửi và lập Báo cáo thu chi tiền gửi Ngân hàng.

2.2.2.1. Chứng từ sử dụng

Công ty sử dụng những chứng từ như: giấy báo nợ, lệnh chuyển có, lệnh chi, các bản sao kê của Ngân hàng, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, giấy nộp tiền...

Trong đó:

➤ Ủy nhiệm chi do kế toán Ngân hàng lập sau đó giao lại cho đơn vị kế toán cùng chứng từ gốc như hóa đơn GTGT, phiếu nhập. Ủy nhiệm chi được lập thành 4 liên:

- Liên 1: Giao cho đơn vị mua hàng
- Liên 2: Giao cho Ngân hàng đơn vị mua hàng giữ
- Liên 3: Giao cho đơn vị bán hàng
- Liên 4: Chuyển cho Ngân hàng đơn vị bán hàng giữ

- Bản sao kê chi tiết là bản thông báo chi tiết về tiền gửi hàng ngày tại Ngân hàng của doanh nghiệp.
- Giấy báo nợ: Là thông báo của Ngân hàng ghi giảm tài khoản tiền gửi
- Lệnh chuyển có: Là thông báo của Ngân hàng ghi tăng tài khoản tiền gửi.

2.2.2.2. Tài khoản sử dụng .

Để hạch toán tiền gửi Ngân hàng, kế toán sử dụng TK 112 “Tiền gửi Ngân hàng” (chi tiết TK 1121 - Tiền gửi Việt Nam). Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình hiện có, tình hình biến động tất cả các loại tiền của đơn vị gửi tại Ngân hàng.

Kế toán mở sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng để theo dõi chi tiết tình hình tăng giảm và số dư tiền của Công ty.

Công ty không phát sinh hoạt động về ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý

2.2.2.3. Sổ sách kế toán sử dụng

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hải An sử dụng các loại sổ sách sau:

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ Cái TK 112.
- Sổ chi tiết TK 112.

2.2.2.4. Trình tự ghi sổ kế toán tiền gửi Ngân hàng

Qui trình luân chuyển chứng từ tiền gửi ngân hàng diễn ra gần tương tự như qui trình luân chuyển chứng từ tiền mặt.

Đối với những nghiệp Vụ làm tăng giảm TGNH căn cứ vào những chứng từ gốc như giấy đề nghị vay tiền, giấy đề nghị thanh toán, HDGTGT. . . . đã được giám đốc công ty và kế toán trưởng ký duyệt (kế toán ngân hàng sẽ lập các uỷ nhiệm thu, uỷ nhiệm chi, séc, lệnh chi sau đó chuyển các chứng từ) này cho ngân hàng sau khi đã trình cho Giám đốc và Kế toán trưởng ký Sau khi nhận được giấy báo Có, Nợ của ngân hàng, kế toán ngân hàng tiến hành ghi sổ kế toán chi tiết TGNH, sổ quỹ TGNH rồi chuyển cho kế toán tổng hợp ghi sổ tổng hợp . Kế toán ngân hàng chịu trách nhiệm bảo quản và lưu trữ sổ chứng từ này.

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc như giấy báo nợ, lệnh chuyển có, bản sao kê chi tiết tài khoản, kế toán vào sổ Nhật ký chung, đồng thời vào sổ chi tiết tài

khoản 112 (mở chi tiết theo Ngân hàng Công thương Hải Phòng). Từ Nhật ký chung kế toán vào sổ Cái TK 112.

Cuối tháng, từ Sổ cái tài khoản tiền gửi kế toán tiến hành lập Bảng cân đối số phát sinh, từ Bảng cân đối số phát sinh và sổ cái tài khoản tiền gửi, trên cơ sở đó kế toán lập Báo cáo tài chính cho quý đó.

Cụ thể như sau:

❖ **Nghiệp vụ 1.** Ngày 15/12/2009, Công ty Cổ phần sản xuất-Xuất nhập khẩu-Hồng Minh thanh toán tiền hàng.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT, Công ty Cổ phần sản xuất-Xuất nhập khẩu-Hồng Minh đến Ngân hàng Ngoại thương TP Hồ Chí Minh để phát lệnh chi.

Ngân hàng Công thương Tp Hải Phòng lập lệnh chuyển Có khi thấy tiền về đến tài khoản của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải An.

Kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải An lấy lệnh chuyển Có của Ngân hàng và bản Sao kê tài khoản chi tiết về làm chứng từ gốc ghi sổ.

THANH TOÁN ĐIỆN TỬ LIÊN NGÂN HÀNG

Mã KS: NTTL5 110

LỆNH CHUYỂN CÓ

Loại giao dịch: Giá trị cao

Số hiệu giao dịch: 11200062

Ngân hàng gửi: NH NT Tp HCM

Ngân hàng nhận: NHC.thương HP

Số bút toán: 00000010

Ngày, giờ lập: 15/12/09-09:13:25

Ngày, giờ nhận: 15/12/09-10:45:51

Mã NH: 23502016 TK Nợ: 1121

Mã NH: 23201065 TK Có: 131

Người phát lệnh: Công ty Cổ phần sản xuất-Xuất nhập khẩu-Hồng Minh

Địa chỉ/số CMND: P102 BC2TT-Thành công-P.Thành Công-Q.Ba Đình-HN

Tài khoản: 0103001434

Tại NH: 00071004761907-NHNT TP HCM

Người nhận lệnh: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải An

Địa chỉ/số CMND: Số 139 Tôn Đức Thắng - Lê Chân - HP

Tài khoản: 102010000801599

Tại NH: NHCT HP

Nội dung: Thanh toán tiền bán hàng.

Số tiền bằng số: 135.498.000

Số tiền bằng chữ: Một trăm ba lăm triệu bốn trăm chín tám nghìn đồng

KẾ TOÁN

(Ký, họ tên)

KIỂM SOÁT

(Ký, họ tên)

CHỦ TÀI KHOẢN

(Ký, họ tên)

❖ **Nghiệp vụ 2.** Ngày 16 tháng 12 năm 2009, xuất quỹ tiền mặt gửi vào Ngân hàng Công thương Việt Nam

Kế toán nhận được lệnh xuất quỹ tiền mặt gửi vào Ngân hàng tiến hành viết phiếu chi:

Đơn vị: Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hải An
Địa chỉ: Số 139 Tôn Đức Thắng Lê Chân -HP

Mẫu số 02 -TT
Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Ngày 16 tháng 12 năm 2009

Quyển số: 14
Số: PC425
Nợ: 1121
Có: 1111

Họ và tên người nộp tiền: Phạm Bảo Nam

Địa chỉ : Phòng kế toán

Lý do chi : Nộp tiền mặt vào Ngân hàng

Số tiền : 100.000.000

Bằng chữ : Một trăm triệu đồng chẵn./.

Kèm theo.....chứng từ gốc

Ngày 16 tháng 12 năm 2009

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Người nhận
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một trăm triệu đồng chẵn./.

+ Tỷ giá ngoại tệ.....

+ Số tiền quy đổi.....

Sau khi có đầy đủ chữ ký của người có liên quan, người nộp tiền (đại diện cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải An) sẽ nhận từ thủ quỹ và đem đến Ngân hàng Công thương Việt Nam Chi nhánh Hải Phòng. Tại Ngân hàng phát hành giấy nộp tiền ghi nhận số tiền Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải An đã nộp. Sau khi hoàn thành thủ tục gửi tiền vào Ngân hàng, người nộp tiền của công ty sẽ đem giấy nộp tiền và phiếu chi đưa cho kế toán tiền gửi để ghi sổ sách.

Ngân hàng Công thương Việt Nam
VIETINBANK

Liên 2/ Copy 2
Số/ No ... Giao người nộp
Depositor s copy

GIẤY NỘP TIỀN

Cash Deposit Slip

Ngày/Date: 16/12/2009

Tài khoản có/ Credit A/C No: 102010000801599

Tên tài khoản/ Account name: Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hải An

Số tiền bằng chữ/ Inword: Một trăm triệu đồng.

Người nộp tiền/ Deposited by: Phạm Bảo Nam

Địa chỉ/ Address: Phòng kế toán

Tại ngân hàng/ with bank: Công thương Hải Phòng.

Nội dung nộp/ Remarks: Nộp tiền vào tài khoản

Số tiền bằng số (Amount in figures) 100.000.000đ
--

Người nộp tiền
Depositor s signature

Giao dịch viên
Teller

Kiểm soát viên
Supervisor

❖ **Nghiệp vụ 3.** Ngày 16 tháng 12 năm 2009, chi trả tiền cước vận chuyển hàng bằng tiền gửi Ngân hàng

Khi phát sinh nghiệp vụ thanh toán qua Ngân hàng, căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0052785, kế toán công ty gửi ủy nhiệm chi đến Ngân hàng Công thương Hải Phòng

Ngân hàng nhận được ủy nhiệm chi tiến hành thanh toán đồng thời gửi bản Sao kê tài khoản chi tiết.

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT-3LL																
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			NB/2009B																
Liên 2: Giao khách hàng																			
Ngày 16 tháng 12 năm 2009			0052785																
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ S.T.C																			
Địa chỉ: 27C Điện Biên Phủ-P.Minh Khai-Hồng Bàng-Hải Phòng																			
Số tài khoản:																			
Điện thoại: MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">8</td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td></tr></table>						0	2	0	0	6	0	1	1	2	8				
0	2	0	0	6	0	1	1	2	8										
Họ tên người mua hàng:																			
Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải An																			
Địa chỉ: Số 139 Tôn Đức Thắng, Lê Chân, Hải Phòng.																			
Số tài khoản:																			
Hình thức thanh toán: TM MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">4</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; text-align: center;">9</td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td></tr></table>						0	2	0	0	4	2	2	1	3	9				
0	2	0	0	4	2	2	1	3	9										
Số TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
A	B	C	1	2	3=1x2														
1	Cước vận chuyển hàng ngày 29/11/2009	Cont	01*40'		10.000.000														
Cộng tiền hàng:					10.000.000														
Thuế suất GTGT: 10%*50%		Tiền thuế GTGT:		500.000															
Tổng cộng tiền thanh toán:					10.500.000														
Số tiền viết bằng chữ: Mười triệu năm trăm nghìn đồng chẵn./.																			
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)															
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)																			

ỦY NHIỆM CHI		Số UNC: 11215
CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN THU, ĐIỆN		Lập ngày: 16/12/2009
Đơn vị trả tiền: Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hải An Số tài khoản: 10201.0000801599 Tại ngân hàng: Công thương VN Tỉnh, TP: Hải Phòng		Phần do NH ghi TK NỢ TK CÓ Số tiền bằng số 10.500.000
Đơn vị nhận tiền: Công ty Cổ phần TM và DV S.T.C Số tài khoản: 00120130003054 Tại ngân hàng: Ngoại thương Tỉnh, TP: Hải Phòng		
Số tiền bằng chữ: Mười triệu năm trăm nghìn đồng Nội dung thanh toán: Trả tiền cước vận chuyển		
Đơn vị trả tiền	Ngân hàng A Ghi sổ ngày: 16/12/09	Ngân hàng B Ghi sổ ngày: 16/12/09
Kế toán Chủ tài khoản	Kế toán TP. Kế toán	Kế toán TP. Kế toán

Biểu số 2.18

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VN
VIETINBANK

SAO KÊ TÀI KHOẢN CHI TIẾT

Statement of Account

Trang/ Page 2

Từ ngày/ from date: 16/012/09 đến ngày/To date: 16/12/09

Số tài khoản/ Account No: 102010000801599 Tiền tệ/ Currency: VNĐ

Tên tài khoản/ Account name: Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hải An

Ngày PS trước/ Previoid:

SDDK/ Beginning Balance: 29.171.873 đồng

SDCK/ Ending Balance:

Ngày phát sinh Transaction date	Số chứng từ Document No	Nội dung giao dịch Description
16/8/2008	13100105	Trả tiền cước biển

Doanh số phát sinh (Transted Amount)

Nợ (Debit)	Có (Credit)
10.500.000	

Giao dịch viên

Teller

Phí NH: 0.00 VNĐ

Kiểm soát viên

Supervisor

T-toán phí: 0.00 VNĐ

❖ **Nghiệp vụ 4.** Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải An mua hàng của Doanh nghiệp tư nhân Mỹ Ngọc thanh toán bằng tiền gửi Ngân hàng.

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT-3LL		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			NB/2009B		
Liên 2: Giao khách hàng					
Ngày 17 tháng 12 năm 2009			0052776		
Đơn vị bán hàng: Doanh nghiệp tư nhân Mỹ Ngọc					
Địa chỉ: 47 Hùng Vương, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng					
Số tài khoản:					
Điện thoại: MS: <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="4"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="3"/> <input type="text" value="8"/> <input type="text" value="8"/> <input type="text" value="7"/> <input type="text" value="9"/> <input type="text" value="6"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải An					
Địa chỉ: Số 139 Tôn Đức Thắng, Lê Chân, Hải Phòng.					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: TM MS: <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="4"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="3"/> <input type="text" value="9"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
Số TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Thép hộp	kg	342.07	14.500	4.960.000
Cộng tiền hàng:					4.960.000
Thuế suất GTGT: 5%			Tiền thuế GTGT:		248.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					5.208.000
Số tiền viết bằng chữ: Năm triệu hai trăm linh tám nghìn đồng chẵn./.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)					

Từ hóa đơn mua hàng, kế toán lập ủy nhiệm chi gửi cho Ngân hàng Công thương Việt Nam chi nhánh Hải Phòng.

Biểu số 2.20

ỦY NHIỆM CHI		Số UNC: 11217
CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN THU, ĐIỆN		Lập ngày: 17/12/2009
Đơn vị trả tiền: Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hải An Số tài khoản: 102010000801599 Tại ngân hàng: Công thương VN Tỉnh, TP: Hải Phòng		Phần do NH ghi TK NỢ TK CÓ
Đơn vị nhận tiền: Doanh nghiệp tư nhân Mỹ Ngọc Số tài khoản: 0400388796 Tại ngân hàng: Ngoại thương Tỉnh, TP: Hải Phòng		
Số tiền bằng chữ: Năm triệu hai trăm linh tám nghìn đồng Nội dung: Thanh toán tiền hàng		Số tiền bằng số 5.208.000
Đơn vị trả tiền	Ngân hàng A	Ngân hàng B
Kế toán Chủ tài khoản	Ghi sổ ngày: 17/12/09 Kế toán TP. Kế toán	Ghi sổ ngày: 17/12/09 Kế toán TP. Kế toán

Từ chứng từ gốc kế toán tiến hành vào sổ chi tiết tài khoản tiền gửi Ngân hàng, Nhật ký chung và sổ Cái TK 112.

#

SỔ CHI TIẾT TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Trích tháng 12 năm 2009

Tài khoản 1121 - Tiền gửi NHCTVN Chi nhánh Hải Phòng

ĐVT: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền			Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng			Gửi vào	Rút ra	Còn lại	
A	B	C	D	1	2	3	E
		SDDK(T12/2009)				29.171.873	
...	
LCC	15/12	Thu tiền bán hàng	131	135.498.000		105.240.274	
PT350	15/12	Rút TG nhập quỹ TM	1111		75.500.000	29.740.274	
LCC	15/12	Thu tiền bán hàng	1311	2.650.000		32.390.274	
GNT	16/12	Xuất quỹ TM gửi vào NH	1111	100.000.000		132.390.274	
UNC15	16/12	Trả tiền cước V/c	641		10.000.000	122.390.274	
HĐ 52785	16/12	+ VAT được KT	133		500.000	121.890.274	
UNC16	17/12	Trả phí chuyển tiền	642		2.500.000	119.390.274	
LCC	17/12	Thu tiền bán hàng	1311	4.688.250		124.078.524	
UNC17	17/12	Mua hàng thanh toán bằng ck	1561		4.960.000	119.118.524	
HĐ 52776	17/12	+ VAT được KT	133		248.000	118.870.524	
LCC	18/12	Thu tiền bán hàng	1311	1.280.000		120.150.524	
UNC18	18/12	Trả tiền hàng	331		11.650.000	108.500.524	
...	
		Cộng phát sinh		350.465.000	249.350.000		
		SDCK				130.286.873	

(Trích Sổ chi tiết tài khoản 112 tháng 12 năm 2009 tại Công ty Cổ phần

Đầu tư Xây dựng Hải An)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG (lần 2)

Trích tháng 12 năm 2009

ĐVT: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang				1.450.241.250	1.450.241.250
....
15/12	LCC	15/12	Thu tiền hàng	x	1121		135.498.000	
				x		131		135.498.000
15/12	PT402	15/12	Chi DV viễn thông	x	6422		864.031	
	HĐ 52784	15/12		x	1331		84.603	
				x		1111		930.634
15/12	PT403	15/12	Chi An nộp TM nhập quỹ KD	x	1111		65.000.000	
				x		4111		65.000.000
16/12	GNT	16/12	Xuất quỹ TM gửi Ngân hàng	x	1121		100.000.000	
				x		1111		100.000.000
16/12	UNC15	16/12	Trả tiền cước v/c	x	641		10.000.000	
	HĐ 52785	16/12	+ VAT được KT	x	133		500.000	
				x		1121		10.500.000
16/12	PC421	16/12	Mua hàng trả bằng TM	x	1561		17.000.000	
	HĐ 52786	16/12	Thuế GTGT được KT	x	1331		1.700.000	
				x		1111		18.700.000
17/12	UNC17	17/12	Mua hàng thanh toán bằng ck	x	156		4.960.000	
	HĐ 52776	17/12	+ VAT được KT	x	133		248.000	
				x		1121		5.208.000
18/12	UNC18	18/12	Trả tiền hàng	x	331		11.650.000	
				x		1121		11.650.000
....
			Cộng chuyển trang sau				1.238.710.000	1.238.710.000
			Cộng lũy kế				2.688.951.250	2.688.951.250

(Trích Nhật ký chung tháng 12 năm 2009 tại Công ty Cổ phần

Đầu tư Xây dựng Hải An)

SỔ CÁI TK 112

Trích tháng 12 năm 2009

Tên tài khoản: Tiền gửi Ngân hàng

DVT: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	Dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			SDDK(T12/2009)				29.171.873	
....
15/12	LCC	15/12	Thu tiền bán hàng			131	135.498.000	
15/12	PT350	15/12	Rút tiền gửi nhập quỹ tiền mặt			1111		75.500.000
15/12	LCC	15/12	Thu tiền bán hàng			1311	2.650.000	
16/12	GNT	16/12	Xuất quỹ tiền mặt gửi vào NH			1111	100.000.000	
16/12	UNC15	16/12	Trả tiền cước v/c			641		10.000.000
	HD 52785		+ VAT được KT			133		500.000
17/12	UNC16	17/12	Trả phí chuyển tiền			642		2.500.000
17/12	LCC	17/12	Thu tiền bán hàng			1311	4.688.250	
17/12	UNC17	17/12	Mua hàng thanh toán bằng ck			1561		4.960.000
	HD 52776		+ VAT được KT			133		248.000
18/12	LCC	18/12	Thu tiền bán hàng			1311	1.280.000	
18/12	UNC18	18/12	Trả tiền hàng			331		11.650.000
...
			Cộng phát sinh				350.465.000	249.350.000
			SDCK				130.286.873	

(Trích Sổ cái tài khoản 112 tháng 12 năm 2009 tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải An)

2.2.3. Kế toán tiền đang chuyển tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải An.

Tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải An không phát sinh nghiệp vụ này.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẢI AN

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty Cổ Phần Đầu tư Xây dựng Hải An

Trong suốt quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty từ khi thành lập đến nay Công ty đã trải qua biết bao những khó khăn thách thức để tồn tại và phát triển. Ban lãnh đạo công ty cùng toàn thể cán bộ công nhân viên đã từng bước tháo gỡ những khó khăn, vượt qua thử thách, khẳng định vị trí của mình. Đó là kết quả phấn đấu bền bỉ liên tục trong toàn công ty, không chỉ đơn thuần là sự tăng trưởng về mặt vật chất mà còn là sự lớn mạnh toàn diện.

Trong quá trình kinh doanh, công ty đã thực hiện tốt những kế hoạch, nhiệm vụ đề ra trong từng chu kỳ kinh doanh cụ thể. Là một doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập với quy mô kinh doanh vừa và nhỏ, công ty đã phải tìm cho mình một bộ máy quản lý, một phương thức kinh doanh sao cho có hiệu quả nhất. Song, bên cạnh những yếu tố trên, tinh thần đoàn kết cũng đóng vai trò quan trọng trên bước đường tự khẳng định mình. Trong quá trình kinh doanh của mình, Ban lãnh đạo công ty luôn quan tâm và động viên cán bộ trong công ty rèn luyện về đạo đức, tinh thần cũng như kỹ năng nghiệp vụ, khuyến khích họ đoàn kết phấn đấu đi lên. Bên cạnh đó, công ty cũng bổ sung các cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn và năng lực tốt đồng thời có những chế độ khen thưởng cũng như kỷ luật kịp thời nhằm tạo kỷ cương doanh nghiệp cũng như khuyến khích người lao động.

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức một cách hợp lý và hoạt động có nề nếp, khoa học. Các cán bộ kế toán nhiệt tình yêu nghề tiếp cận kịp thời với chế độ kế toán hiện hành và vận dụng một cách linh hoạt sáng tạo trong nghiệp vụ đem lại hiệu quả cao trong công việc.

Công tác quản lý và hạch toán kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng được củng cố và hoàn thiện, thực sự trở thành công cụ đắc

lực phục vụ cho quá trình quản lý sản xuất kinh doanh của công ty. Bởi chỉ có quản lý tốt thì kinh doanh mới tốt, công tác kế toán tốt thì thông tin kế toán mới đảm bảo được cung cấp chính xác, đầy đủ, kịp thời phục vụ cho quản trị nội bộ cũng như làm cơ sở để đưa ra những chiến lược kinh doanh tối ưu.

Qua thời gian tìm hiểu thực trạng về công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng Hải An, em thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng tại công ty có những ưu điểm và nhược điểm sau:

3.1.1. Ưu điểm về bộ máy kế toán nói chung và tổ chức kế toán Vốn bằng tiền nói riêng tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải An.

Công ty đã tạo được mô hình quản lý và hạch toán khá khoa học phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường, bộ máy quản lý nhịp nhàng, tất cả giúp cho Giám đốc điều hành một cách khá hiệu quả.

Công ty có đội ngũ kế toán giàu kinh nghiệm, có trình độ, nhiệt tình trong công việc cũng như sự nhạy bén trong việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tổng hợp thông tin kế toán.

Từ việc hạch toán ban đầu đến việc kiểm tra tính hợp lý hợp lệ của các chứng từ được tiến hành một cách khá cẩn thận, đảm bảo số liệu phản ánh trung thực, hợp lý, rõ ràng và dễ hiểu. Các số liệu sau khi được tổng hợp bởi kế toán tổng hợp sẽ được kế toán trưởng kiểm tra.

Trong điều kiện cơ chế quản lý mới, cũng như điều kiện quản lý kinh doanh thực tế của mình, bộ máy kế toán của công ty được tổ chức tương đối gọn nhẹ và hoàn chỉnh theo mô hình kế toán tập trung. Đây là mô hình mà việc hạch toán được tập trung tại phòng kế toán trung tâm của công ty. Mô hình này không những tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát tình hình tài chính trong việc tạo ra quyết định quản lý và chỉ đạo kinh doanh kịp thời của Ban giám đốc, mà còn tạo điều kiện cho công tác phân công lao động, chuyên môn hoá theo các phần hành kế toán, nâng cao trình độ nghiệp vụ, ý thức trách nhiệm của cán bộ kế toán.

Các phần hành kế toán được phân công tương đối rõ ràng và khoa học cho từng kế toán viên, có sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa các phần hành với nhau,

đảm bảo tính thống nhất về phạm vi, phương pháp tính toán, ghi chép. Từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, đối chiếu, phát hiện kịp thời những sai sót giúp Ban lãnh đạo đánh giá được hiệu quả kinh doanh trong kỳ, qua đó xây dựng được kế hoạch kinh doanh phù hợp với yêu cầu thị trường.

Đội ngũ cán bộ và nhân viên kế toán trong công ty có trình độ nghiệp vụ, nắm vững và am hiểu các kỹ thuật nghiệp vụ trong kinh doanh, các chế định tài chính về thanh toán, nhiệt tình và có trách nhiệm trong công việc. Trình độ của nhân viên không ngừng được nâng cao do thường xuyên được đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, biết vận dụng khéo léo và nhịp nhàng giữa lý thuyết và thực tế tại công ty, biết áp dụng những phương pháp hạch toán phù hợp với thực tế phát sinh đồng thời có thể giảm được khối lượng công việc ghi chép thừa để đạt được hiệu quả cao. Mỗi nhân viên kế toán đều có thể sử dụng được máy vi tính nên công việc kế toán được thực hiện nhanh chóng, số liệu luôn chính xác.

Hiện nay, Công ty Cổ Phần Đầu tư Xây dựng Hải An đang áp dụng hình thức Nhật ký chung, hình thức này khá đơn giản về quy trình hạch toán và phù hợp với quy mô và điều kiện công tác kế toán tại công ty. Công ty sử dụng máy vi tính trong ghi chép nên đã khắc phục được nhược điểm của hình thức ghi sổ này là giảm được khối lượng ghi chép chung, giảm mức độ nhầm lẫn về con số, đồng thời tiến độ báo cáo và cung cấp chỉ tiêu nhanh, đầy đủ, chính xác và kịp thời.

Sổ sách kế toán của công ty được lập và ghi chép rõ ràng, rành mạch. Việc lưu trữ thông tin và lập sổ sách đã được thực hiện trên máy vi tính và chỉ in ra với sự lựa chọn đối với sổ sách cần thiết phục vụ cho kinh doanh, quản lý. Nên doanh nghiệp đã trực tiếp giảm được một phần chi phí, đồng thời giảm được số lượng các chứng từ và sổ lưu trữ ở kho. Với việc tổ chức bộ máy kế toán hợp lý và lựa chọn hình thức sổ kế toán phù hợp đã góp phần nâng cao năng suất và hiệu quả của công tác kế toán cũng như công tác quản lý hoạt động kinh doanh tại công ty.

Công ty đã đầu tư, trang bị cho bộ phận kế toán những trang thiết bị hiện đại. Sử dụng phần mềm kế toán và mỗi kế toán viên đều được trang bị một máy vi tính riêng để mỗi người có thể hoàn thành công việc mình được giao một cách nhanh chóng và khoa học.

Vốn bằng tiền là loại tài sản đặc biệt, nó là vật ngang giá chung, do vậy trong quá trình quản lý rất dễ xảy ra tham ô lãng phí. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề đó, công ty đã có những biện pháp tốt trong việc tổ chức hạch toán cũng như quản lý và sử dụng vốn bằng tiền.

Việc giữ gìn và bảo quản tiền mặt trong két được đảm bảo tính an toàn cao. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được cập nhật hàng ngày nên thông tin kinh tế mang tính liên tục và chính xác. Công tác kế toán tổng hợp được đơn giản hoá tới mức tối đa, cho phép ghi chép kịp thời một cách tổng hợp những hiện tượng kinh tế có liên quan đến tình trạng biến động của vốn bằng tiền.

Hệ thống tài khoản áp dụng để theo dõi sự biến động của vốn bằng tiền hoàn toàn tuân thủ theo quy định của chế độ kế toán do Nhà nước ban hành và đã được chi tiết cho từng loại tiền. Sự chi tiết đó đã cho phép Ban lãnh đạo nắm bắt được những số liệu cụ thể và chi tiết của vốn bằng tiền, từ đó có thể ra các quyết định một cách chính xác và hợp lý.

Tiền mặt của công ty được quản lý tại quỹ do thủ quỹ chịu trách nhiệm thu, chi. Thủ quỹ là người trung thực, có năng lực chuyên môn, thận trọng trong nghề nghiệp và không trực tiếp là nhân viên kế toán, do vậy đã tránh được tình trạng tham ô công quỹ và sai sót khi hạch toán.

Việc nhập, xuất quỹ tiền mặt đều dựa trên những chứng từ gốc hợp lý, hợp lệ, được kế toán trưởng soát xét và Giám đốc công ty phê duyệt, có đầy đủ chữ ký của người nộp tiền, nhận tiền, thủ quỹ...Sau đó mới chuyển cho thủ quỹ làm thủ tục nhập quỹ. Vì vậy, không xảy ra tình trạng chi tiêu lãng phí, đảm bảo các khoản chi đều hợp lý, có mục đích rõ ràng.

Đối với tiền gửi Ngân hàng, kế toán liên hệ chặt chẽ và có quan hệ tốt với Ngân hàng. Tập hợp theo dõi đầy đủ các chứng từ và đối chiếu với Ngân hàng. công ty cũng mở sổ theo dõi chi tiết tình hình biến động về tiền gửi Ngân hàng khiến cho việc kiểm tra đối chiếu và quản lý dễ dàng và chặt chẽ hơn.

Lãnh đạo công ty cùng với kế toán trưởng luôn luôn giám đốc chặt chẽ tiến hành thu chi và quản lý tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng để đáp ứng được nhu cầu

thanh toán, đảm bảo cho quá trình kinh doanh của công ty được diễn ra liên tục, đem lại hiệu quả cao cho công ty.

Như vậy với việc tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền đã đáp ứng được nhu cầu của công ty đề ra là: Đảm bảo tính thống nhất về mặt phạm vi phương pháp tính toán các chỉ tiêu kinh tế, đảm bảo các số liệu kế toán phản ánh trung thực, hợp lý, rõ ràng. Trong quá trình hạch toán đã hạn chế được những trùng lặp ghi chép mà vẫn đảm bảo tính thống nhất của nguồn số liệu ban đầu. Do đó việc tổ chức công tác kế toán ở công ty là phù hợp với một doanh nghiệp có phạm vi hoạt động vừa phải.

3.1.2. Những tồn tại về bộ máy kế toán nói chung và tổ chức kế toán Vốn bằng tiền nói riêng tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải An.

Bên cạnh những ưu điểm đó, song do những nhân tố khách quan và chủ quan nhất định tác động bên trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng ở công ty vẫn còn một số tồn tại sau:

Công ty không hạch toán tiền đang chuyển: Địa bàn hoạt động của công ty trải rộng trên toàn quốc nên việc thanh toán gặp nhiều khó khăn do điều kiện địa lý. Đôi khi thủ tục thanh toán đã được thực hiện nhưng công ty vẫn chưa nhận được lệnh chuyển có hay bản sao kê của Ngân hàng. Hiện nay, công ty lại không sử dụng tài khoản 113 - Tiền đang chuyển để theo dõi. Điều này không phản ánh đúng trách nhiệm quản lý vốn.

Mặt khác, khi giao dịch thương mại với bạn hàng có thể họ sòng phẳng thanh toán tiền hàng cho doanh nghiệp nhưng cũng có trường hợp bên mua nợ tiền hàng khi đến hết hạn mà vẫn chưa trả. Tuy nhiên, kế toán công ty không tiến hành trích khoản dự phòng phải thu khó đòi, điều này ảnh hưởng không nhỏ tới việc thu hồi vốn của doanh nghiệp.

Công ty không sử dụng ngoại tệ: Hiện tại công ty không sử dụng ngoại tệ để thanh toán nên gặp rất nhiều khó khăn trong vấn đề thanh toán khi khách hàng của công ty có thể là công ty liên doanh, công ty nước ngoài hoặc công ty có vốn đầu tư nước ngoài.

Về việc thanh toán lương: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải An thường trả lương cho cán bộ công nhân viên dồn vào cuối tháng nên cần đến một khoản tiền mặt tương đối lớn để chi trả. Điều này có thể ảnh hưởng đến dòng tiền ra của doanh nghiệp, vì cuối tháng cũng là lúc doanh nghiệp thường thanh toán tiền hàng vì thế mà doanh nghiệp cần một lượng tiền mặt khá lớn, nếu không trả lương đúng hạn thì sẽ ảnh hưởng tới uy tín của công ty trên thương trường.

Cuối tháng hoặc định kỳ công ty chưa tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt và lập bảng kiểm kê quỹ. Việc theo dõi đối chiếu số tiền thực tế có tại quỹ với sổ quỹ gặp nhiều khó khăn. Như vậy, sẽ ảnh hưởng đến việc mua bán chi tiêu bằng tiền mặt của công ty.

3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải An.

Qua phân thực trạng kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải An thì nhìn chung công tác quản lý, hạch toán vốn bằng tiền trong công ty là tốt, tuân thủ theo quy định kế toán hiện hành. Tuy nhiên bên cạnh đó còn tồn tại một số vấn đề trong kế toán vốn bằng tiền cần hoàn thiện để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Là một sinh viên thực tập tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải An sau một thời gian tìm hiểu về tất cả các phần hành kế toán nói chung và đi sâu tìm hiểu phần hành kế toán vốn bằng tiền nói riêng, được sự giúp đỡ chỉ bảo nhiệt tình của các thầy cô giáo và các cán bộ trong công ty nhất là phòng kế toán, em xin có một vài ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán vốn bằng tiền phù hợp với tình hình thực tế tại công ty nhưng vẫn đảm bảo tuân thủ chế độ kế toán hiện hành.

3.2.1. Công ty nên hạch toán tiền đang chuyển.

Để công tác kế toán phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh về vốn bằng tiền, kế toán tiền mặt nên mở tài khoản 113 - Tiền đang chuyển để theo dõi cho những khoản tiền đang chuyển trong các trường hợp sau: Thủ tục thanh toán, thủ tục chuyển tiền đã được thực hiện nhưng chưa nhận được lệnh chuyển có, giấy báo nợ hay bản sao kê của Ngân hàng...

3.2.2. Công ty nên tăng cường hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.

Việc thanh toán thông qua hệ thống Ngân hàng nên sử dụng một cách triệt để, đối với những khoản tiền lớn nên thực hiện thanh toán qua Ngân hàng để đảm bảo vấn đề an toàn tiền quỹ của công ty cũng như khả năng sinh lời của tiền.

Công ty nên trả lương làm hai đợt: giữa tháng và cuối tháng bởi trả lương làm hai đợt có ưu điểm sau:

- ✎ Giảm bớt việc chi tiền mặt để trả lương vào cuối tháng, đảm bảo dòng tiền ra vào nhịp nhàng, tránh được nguy cơ khan hiếm tiền mặt ngay tại thời điểm đó.
- ✎ Việc chi trả lương không đúng thời hạn, bị trì trệ không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến uy tín của doanh nghiệp trên thương trường mà còn ảnh hưởng tới cán bộ công nhân viên trong toàn công ty. Không thanh toán đúng thời hạn có nghĩa là khả năng thanh toán của doanh nghiệp kém, không có khả năng thanh toán các khoản nợ khi đến hạn. Từ đó có thể làm các chủ đầu tư và cổ đông rút vốn về, Ngân hàng cho vay sẽ không cho vay nữa. Do vậy, không đủ tiền để hoạt động kinh doanh, để chi trả các khoản nợ dẫn đến nguy cơ phá sản không thể tránh khỏi.
- ✎ Mặt khác, việc chi trả lương không đúng thời hạn sẽ làm ảnh hưởng tới đời sống của cán bộ công nhân viên, sự nhiệt tình với công việc cũng giảm sút. Nếu như thanh toán đúng thời hạn sẽ tạo niềm tin cho cán bộ công nhân viên để họ yên tâm hăng say làm việc, họ sẽ không đi tìm việc khác nữa tránh được nguy cơ thiếu hụt cán bộ công nhân viên nhất là những cán bộ có năng lực và trình độ. Với thái độ làm việc nhiệt tình, năng suất lao động cao chắc chắn sẽ thu được kết quả tốt nhất.

Do vậy, việc thanh toán lương đúng thời hạn là điều hết sức cần thiết và quan trọng trong mỗi doanh nghiệp.

Tuy nhiên, muốn thanh toán đúng hạn mà số tiền mặt trong quỹ của doanh nghiệp không đủ thì phải làm thế nào?

Hiện nay, trong thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa, với sự phát triển rất nhanh của kinh tế và sự phát triển tốt bậc của khoa học công nghệ điện tử thì hệ thống Ngân hàng cũng đang trên đà phát triển. Theo quy định, mỗi một doanh nghiệp đều giữ một số lượng tiền mặt trong quỹ nhất định, số còn lại phải gửi vào Ngân hàng. Do vậy, doanh nghiệp có thể sử dụng thẻ ATM để trả lương cho cán bộ công nhân viên. Việc trả lương theo cách này cũng rất thuận lợi, giảm được áp lực công việc cho thủ quỹ và kế toán tiền mặt, tránh được nhầm lẫn, sai sót đáng tiếc và tiền mặt được đảm bảo an toàn hơn.

3.2.3. Công ty nên định kỳ kiểm kê quỹ tiền mặt .

Hiện tại Công ty kiểm kê quỹ một năm một lần, tuy nhiên để có thể nắm bắt và quản lý tốt vốn tiền mặt, kế toán nên tiến hành kiểm kê quỹ định kỳ vào cuối quý, có thể là đột xuất khi có nhu cầu hoặc khi bàn giao quỹ để xác định được số chênh lệch (nếu có) giữa tiền Việt Nam tồn quỹ thực tế so với sổ quỹ.

Bảng kiểm kê quỹ được lập theo mẫu sau:

Biểu số 3.1

Đơn vị:

Mẫu số 08a -TT

Địa chỉ:

Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

BẢNG KIỂM KÊ QUỸ
(Dùng cho VNĐ)

Hôm nay, vào...ngày...giờ...tháng...năm....

Chúng tôi gồm:

Ông/ Bà:.....Đại diện kế toán

Ông/ Bà:.....Đại diện thủ quỹ

Ông/ Bà:.....Đại diện

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt, kết quả như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng (tờ)	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ	x
II	Số kiểm kê thực tế	x
1	Trong đó: - Loại		
2	- Loại		
3	- Loại		
4	- Loại		
5		
III	Chênh lệch (III = I - II)	x	

- Lý do: + Thừa:.....

+ Thiếu:.....

Kết luận sau khi kiểm kê quỹ:.....

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ
(Ký, họ tên)

3.2.4. Hoàn thiện về hệ thống sổ sách

Công ty không sử dụng nhật ký đặc biệt như nhật ký bán hàng, nhật ký thu tiền...nên tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều hạch toán vào sổ Nhật ký chung. Do đó dẫn đến tình trạng là số liệu trên sổ Nhật ký chung dày đặc, khó theo dõi, đặc biệt là khó kiểm soát được tình hình tiêu thụ của công ty. Vì vậy theo em công ty nên mở thêm các sổ Nhật ký đặc biệt cụ thể là sổ Nhật ký thu tiền và Nhật ký chi tiền (mở riêng thu, chi tiền mặt và thu, chi tiền gửi cho từng loại tiền hoặc cho từng Ngân hàng) để việc quản lý tiền được chặt chẽ và chính xác hơn, thuận tiện trong việc kiểm tra lượng tiền thu, chi trong kỳ hay muốn kiểm tra theo dõi vào một thời điểm bất kỳ.

Theo nguyên tắc các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải ghi vào sổ Nhật ký chung nhưng với biện pháp này khi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã ghi trong sổ Nhật ký đặc biệt thì sẽ không cần ghi vào Nhật ký chung nữa mà sẽ tổng hợp ghi một lần vào Sổ cái.

Sau đây là mẫu sổ Nhật ký đặc biệt:

Biểu số 3.2

Đơn vị:

Mẫu số: S03a1-DN

Địa chỉ:

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài Chính)

NHẬT KÝ THU TIỀN

Năm:

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK...	Ghi có TK			
	Số hiệu	Ngày tháng			Tài khoản khác	
							Số tiền	Số hiệu
A	B	C	D	1	2	3	4	E
			Số trang trước chuyển sang					
			Cộng chuyển sang trang sau					

- Sổ này có ... trang, đánh số thứ tự từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:...

Ngày ... tháng ... năm ...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 3.3

Đơn vị:

Mẫu số: S03a2-DN

Địa chỉ:

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài Chính)

NHẬT KÝ CHI TIỀN

Năm:

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK...	Ghi có TK			
	Số hiệu	Ngày tháng			Tài khoản khác	
							Số tiền	Số hiệu
A	B	C	D	1	2	3	4	E
			Số trang trước chuyển sang					
			Cộng chuyển sang trang sau					

- Sổ này có ... trang, đánh số thứ tự từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:...

Ngày ... tháng ... năm ...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

KẾT LUẬN

Việc quản lý và sử dụng Vốn là một khâu quan trọng có ảnh hưởng tới việc phát triển hay suy thoái của doanh nghiệp. Nhất là đối với doanh nghiệp hoạt động kinh doanh thì công tác kế toán vốn bằng tiền rất quan trọng và là công cụ không thể thiếu được trong quản lý kinh tế của doanh nghiệp.

Qua thời gian thực tập và đi sâu vào nghiên cứu tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải An, em nhận thấy rằng tổ chức kế toán vốn bằng tiền là một công cụ đắc lực giúp cho Ban lãnh đạo công ty nắm bắt kịp thời tình hình thu chi và tiến hành chỉ đạo hoạt động kinh doanh của công ty mình. Việc tính toán theo dõi các khoản thu cũng như chi sao cho có hiệu quả và hợp lý luôn là vấn đề quan tâm của người làm quản lý đặc biệt là những người làm công tác kế toán. Giữa thực tế và lý thuyết luôn là một khoảng cách do đó cần được vận dụng một cách linh hoạt vào thực tế, song phải trên nguyên tắc tôn trọng các điều lệ quy định, phải đảm bảo yêu cầu của kế toán là vừa chính xác hợp lý lại vừa đơn giản công tác kế toán.

Khóa luận “Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải An” đã phân nào phản ánh được một số vấn đề cơ bản về lý luận và thực tiễn, cụ thể:

✧ Lý luận: Đưa ra những vấn đề chung nhất về vốn bằng tiền, phương pháp hạch toán vốn bằng tiền tại các doanh nghiệp.

✧ Thực tiễn: Đưa ra thực trạng hạch toán kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải An. Đồng thời khóa luận cũng đưa ra một số ý kiến nhằm nâng cao công tác quản lý vốn bằng tiền tại Công ty

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn Cô giáo hướng dẫn Lê Thị Nam Phương cùng các cán bộ nhân viên phòng kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải An đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

Hải Phòng, ngày 10 tháng 06 năm 2010

Sinh viên thực hiện

Nguyễn Hoàng Anh

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1) Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ - PGS.TS Nguyễn Văn Công.
- 2) Hướng dẫn thực hành kế toán doanh nghiệp theo chế độ kế toán mới hiện hành – TS. Võ Văn Nhị .
- 3) Hướng dẫn hạch toán kế toán báo cáo tài chính doanh nghiệp - TS Võ Văn Nhị .
- 4) Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 1) - Hệ thống tài khoản kế toán - NXB tài chính.
- 5) Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 2) - Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán - NXB tài chính .
- 6) Tài liệu, sổ sách kế toán do Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải An cung cấp.